

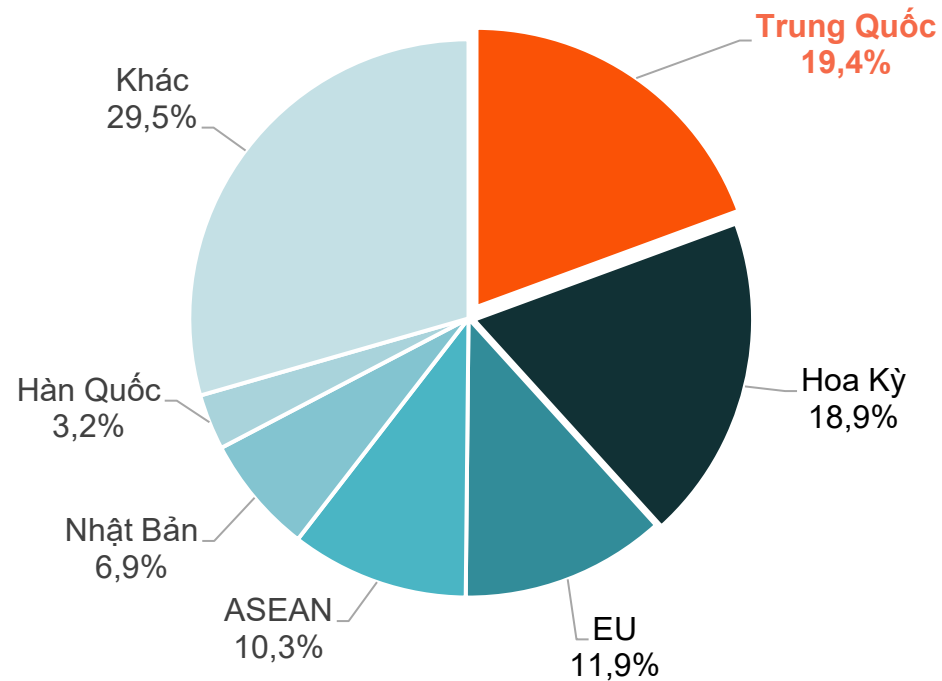
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 3/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

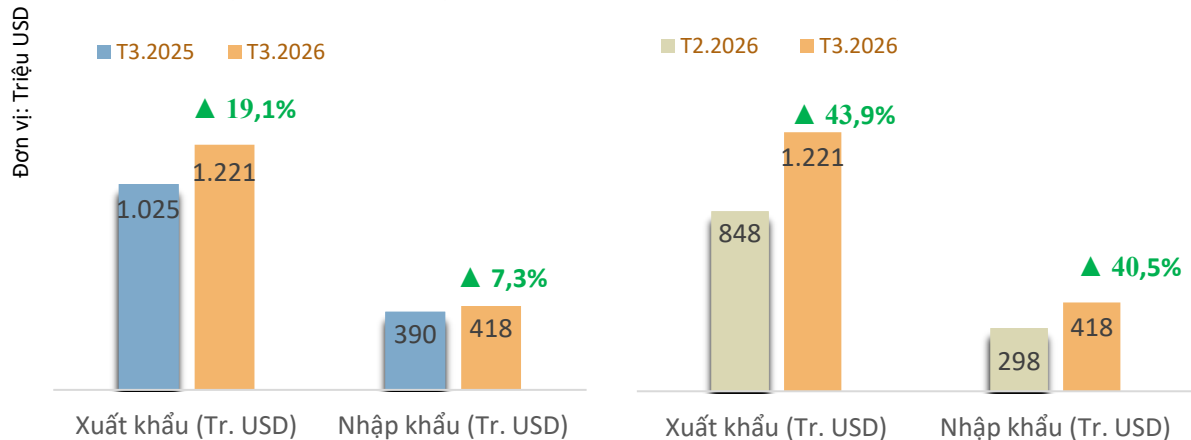


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T3/2026 so với T2/2026 và T3/2025

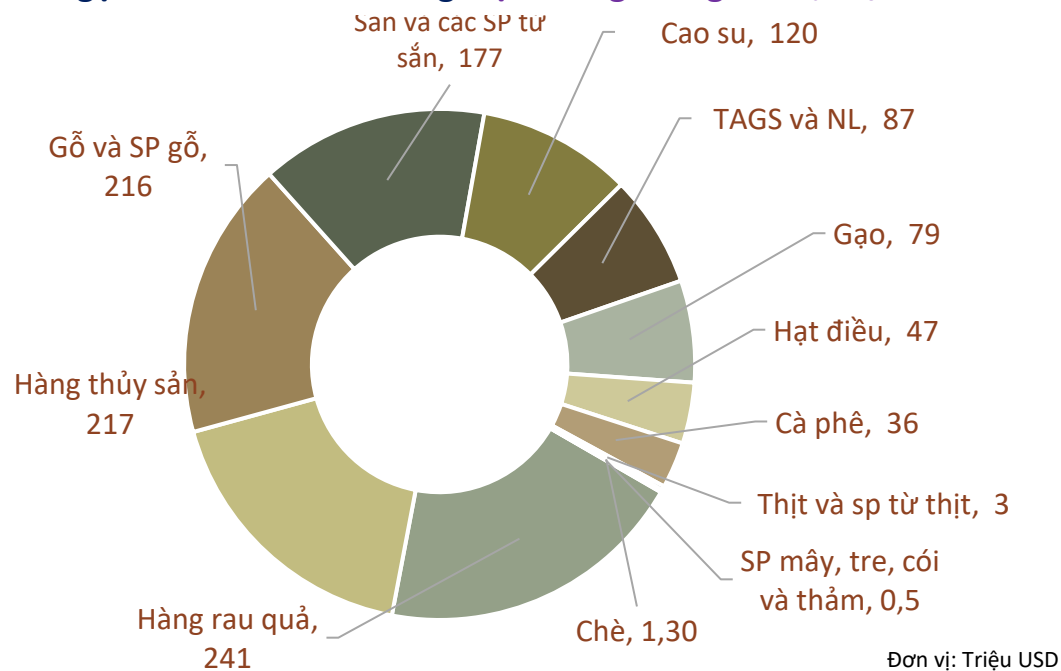
| Thị trường | Giá trị (triệu USD) | So với T2/2026 | So với T3/2025 |
|-------------------|---------------------|----------------|----------------|
| Trung Quốc | 1.221 | ▼ 1,4% | ▲ 2,7% |
| Hoa Kỳ | 1.188 | ▲ 1,3% | ▼ 2,0% |
| EU | 748 | ▼ 1,6% | ▼ 0,7% |
| ASEAN | 649 | ▼ 0,1% | ▲ 0,9% |
| Nhật Bản | 431 | ▼ 0,1% | ▼ 0,3% |
| Hàn Quốc | 203 | ▲ 0,4% | ▼ 0,2% |
| Tổng XK | 6.296 | | |

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 3/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T3/2026

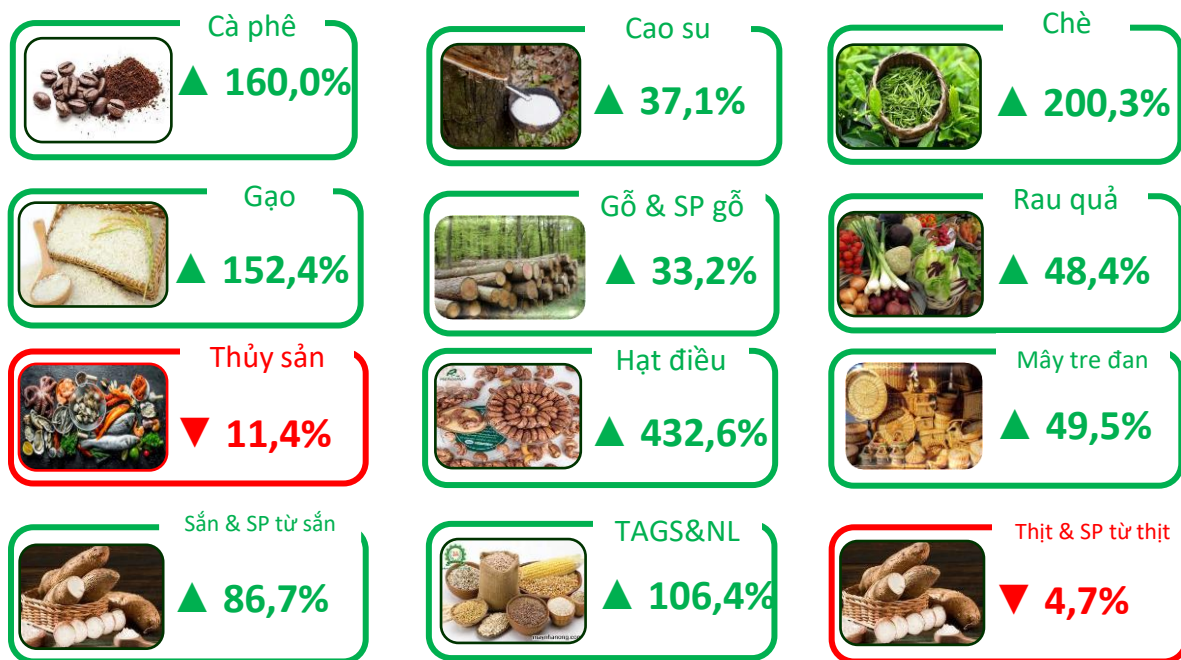


Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

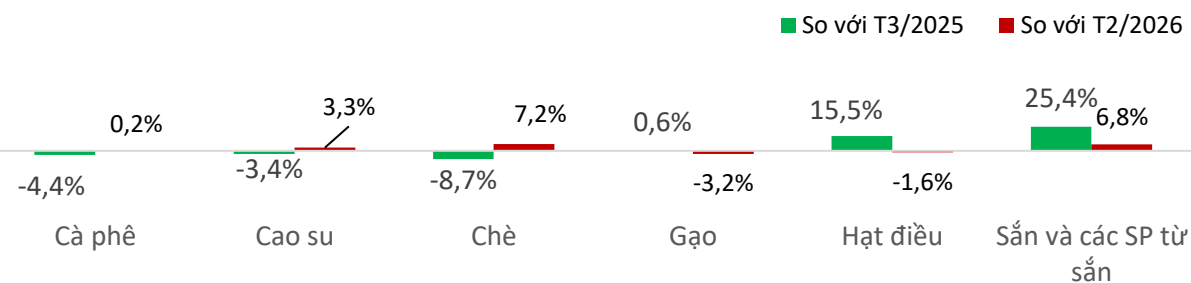


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T3/2026 so với T2/2026



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T3/2026 so với T3/2025 và T2/2026



Kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng khoảng 5% trong quý I/2026

Tốc độ tăng trưởng GDP trong quý I/2026 của Trung Quốc dự kiến đạt 5%. Các chính sách kinh tế vĩ mô sẽ được điều chỉnh sát với mục tiêu hàng năm, thể hiện cách tiếp cận chủ động, phối hợp và chính xác hơn. Chính sách tài khóa được tăng cường và nâng cao hiệu quả, đẩy nhanh việc thực

hiện trái phiếu kho bạc đặc biệt dài hạn và các công cụ tài chính dựa trên chính sách để mở rộng đầu tư hiệu quả và thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng.

Chính sách tiền tệ nới lỏng vừa phải sẽ được duy trì để ổn định tăng trưởng, việc làm và giá cả, đảm bảo thanh khoản dồi dào và giảm chi phí tài chính tổng thể. Đồng thời, sự phối hợp và tích hợp các chính sách liên quan đến công nghiệp,

công nghệ, việc làm và phát triển vùng miền sẽ được tăng cường, tập trung vào mở rộng nhu cầu nội địa, góp phần cải cách triệt để, ngăn ngừa rủi ro và nâng cao kỳ vọng.



Nguồn: Bnews.vn

Hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc đóng vai trò then chốt trong hội nhập kinh tế sâu rộng

Hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng sâu rộng khẳng định vai trò then chốt trong tiến trình hội nhập kinh tế, với kim ngạch thương mại nông lâm thủy sản đạt 20,94 tỷ USD năm 2025. Hai bên đã xây dựng hệ thống hành lang pháp lý tương đối hoàn chỉnh với 33 hiệp định và nghị định thư, qua đó mở rộng danh mục sản phẩm, thúc đẩy thông quan và tăng khả năng tiếp cận thị trường.

Việt Nam đang đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao chất lượng, tập trung vào truy xuất nguồn

gốc, quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói, cũng như tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm và kiểm dịch. Những nỗ lực này không chỉ giúp duy trì thị phần tại Trung Quốc, tạo nền tảng để nông sản Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Trong giai đoạn tới, hợp tác giữa hai nước được kỳ vọng tiếp tục mở rộng theo chiều sâu, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, phát triển hạ tầng logistics, chuỗi lạnh và công nghệ bảo quản sau thu hoạch. Đây sẽ là động lực quan trọng nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm tổn thất, tăng tính bền vững và củng cố năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Nguồn: Bnews.vn



Trung Quốc siết đăng ký doanh nghiệp thực phẩm nhập khẩu từ 01/6/2026

Trung Quốc ban hành Lệnh số 280, thay thế Lệnh 248/2021, quy định doanh nghiệp sản xuất, chế biến, lưu trữ thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc phải đăng ký với GACC, được cấp mã và duy trì điều kiện tuân thủ trong 5 năm. GACC sẽ quản lý theo mức độ rủi ro của sản phẩm, hệ thống an toàn thực phẩm của nước xuất khẩu và tình trạng thực tế của doanh nghiệp.

Điểm cần lưu ý là một số nhóm thực phẩm sẽ phải đăng ký thông qua thư giới thiệu của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu. Cơ quan thẩm quyền phải kiểm tra, đánh giá và gửi báo cáo kèm thư giới thiệu cho GACC. Hồ sơ đăng ký phải bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh,

gồm thông tin doanh nghiệp, giấy tờ pháp lý, cam kết tuân thủ và các tài liệu bổ sung nếu GACC yêu cầu. GACC có thể đánh giá bằng hình thức kiểm tra hồ sơ, kiểm tra qua video, kiểm tra tại chỗ hoặc kết hợp nhiều hình thức. Doanh nghiệp đạt yêu cầu sẽ được cấp mã đăng ký và phải ghi mã này, hoặc mã do nước sở tại cấp, trên bao bì khi xuất khẩu vào Trung Quốc.

Trung Quốc đang siết chặt hơn việc quản lý an toàn thực phẩm nhập khẩu, không chỉ ở khâu đăng ký ban đầu mà cả trong giai đoạn sau khi được cấp mã. Doanh nghiệp cần sớm rà soát mã đăng ký hiện có, thông tin pháp lý, địa chỉ cơ sở, người đại diện pháp luật, mã số do cơ quan Việt Nam cấp và các thay đổi có thể ảnh hưởng đến hiệu lực đăng ký. Đặc biệt, nếu có thay đổi lớn như chuyển địa điểm sản xuất hoặc thay đổi

mã số đăng ký, doanh nghiệp có thể phải đăng ký lại. Việc duy trì hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm, hồ sơ truy xuất nguồn gốc và khả năng phối hợp với cơ quan thẩm quyền là yêu cầu quan trọng để tránh nguy cơ bị đình chỉ, hủy đăng ký hoặc gián đoạn xuất khẩu sang Trung Quốc.



Nguồn: Vasep.com.vn





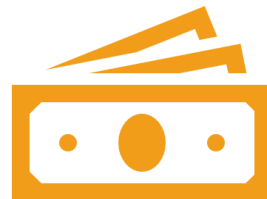
RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH



240,8

triệu USD

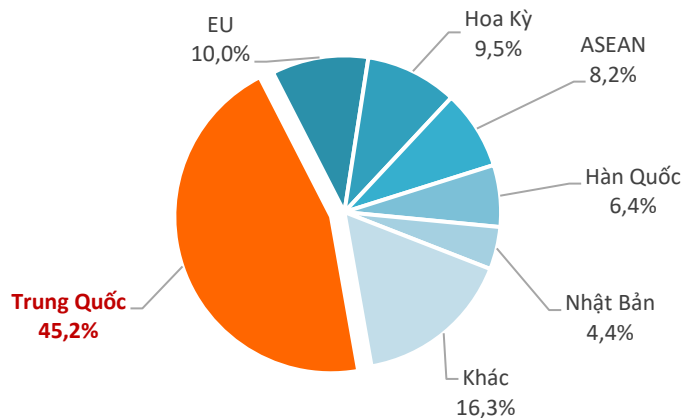
Tăng **48,4%** so với T2/2026

Tăng **11,6%** so với T3/2025

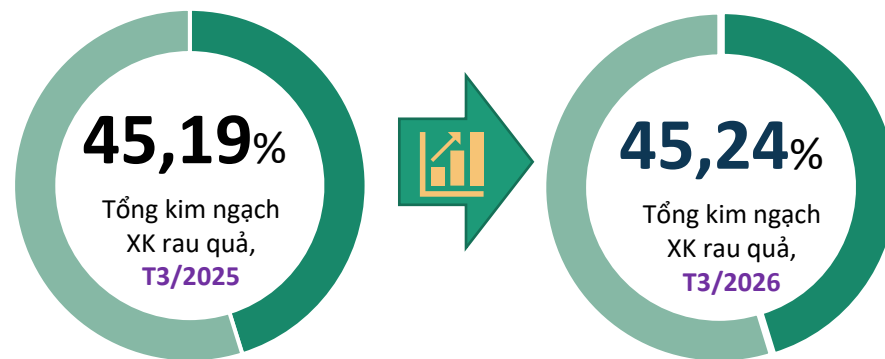
Thấp hơn **217,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 3 tháng năm 2026 đạt **778,8 triệu USD**, đạt **14,2%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T3/2026



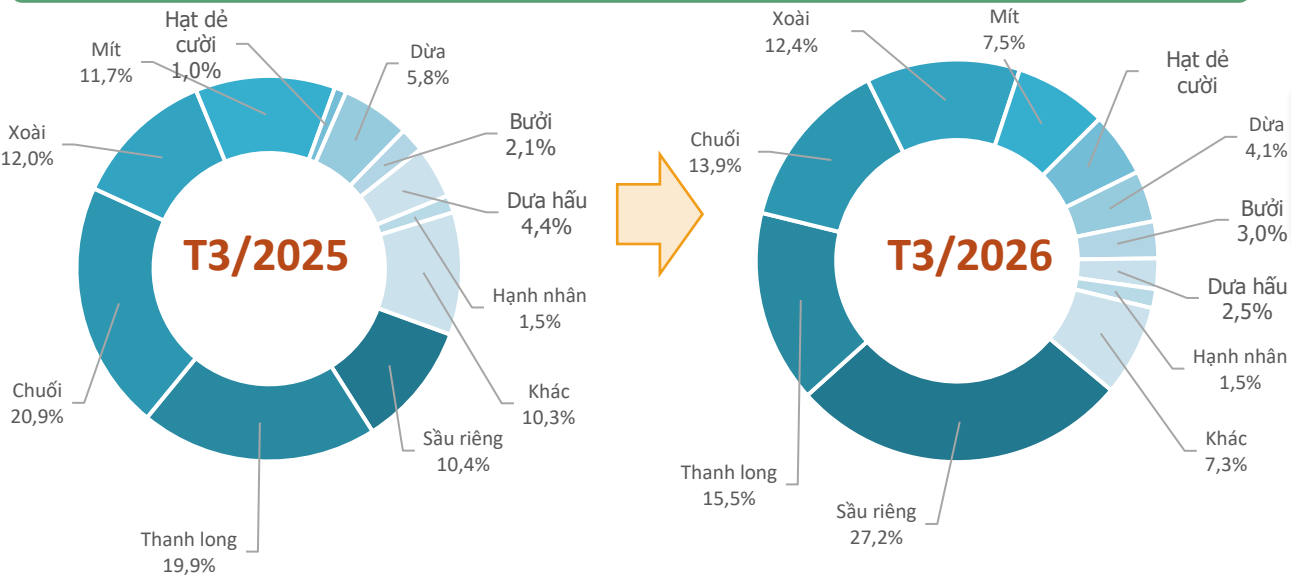
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T3/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T3/2026



Sầu riêng

Kim ngạch: **65,6** triệu USD
 Tăng **151,8%** so với T2/2026
 Tăng **191,0%** so với T3/2025



Thanh long

Kim ngạch: **37,3** triệu USD
 Giảm **7,3%** so với T2/2026
 Giảm **13,3%** so với T3/2025



Chuối

Kim ngạch: **33,4** triệu USD
 Tăng **83,7%** so với T2/2026
 Giảm **26,0%** so với T3/2025



Xoài

Kim ngạch: **29,8** triệu USD
 Tăng **113,5%** so với T2/2026
 Tăng **15,3%** so với T3/2025



Mít

Kim ngạch: **18,0** triệu USD
 Tăng **0,6%** so với T2/2026
 Giảm **28,9%** so với T3/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **12,5** triệu USD
 Giảm **12,8%** so với T2/2026
 Tăng **478,7%** so với T3/2025



Dừa

Kim ngạch: **9,9** triệu USD
 Tăng **89,8%** so với T2/2026
 Giảm **20,4%** so với T3/2025



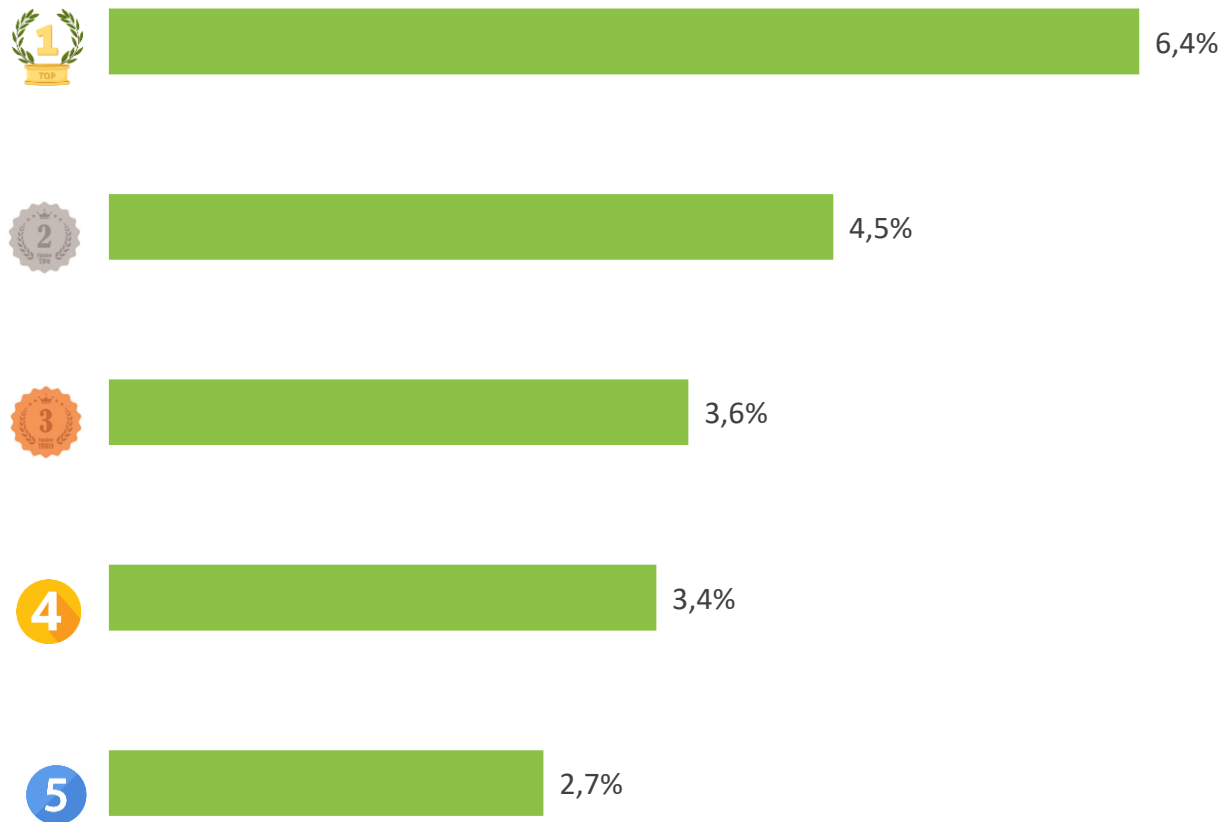
Bưởi

Kim ngạch: **7,2** triệu USD
 Tăng **118,2%** so với T2/2026
 Tăng **60,2%** so với T3/2025

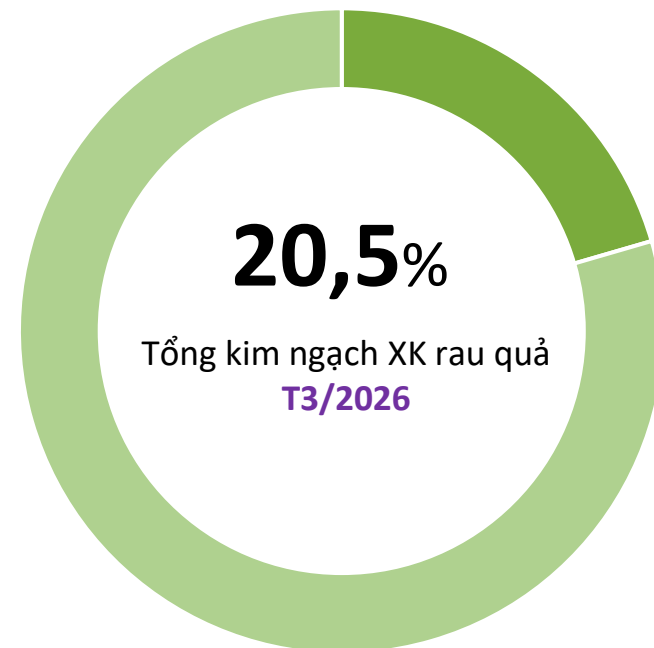


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T3/2026



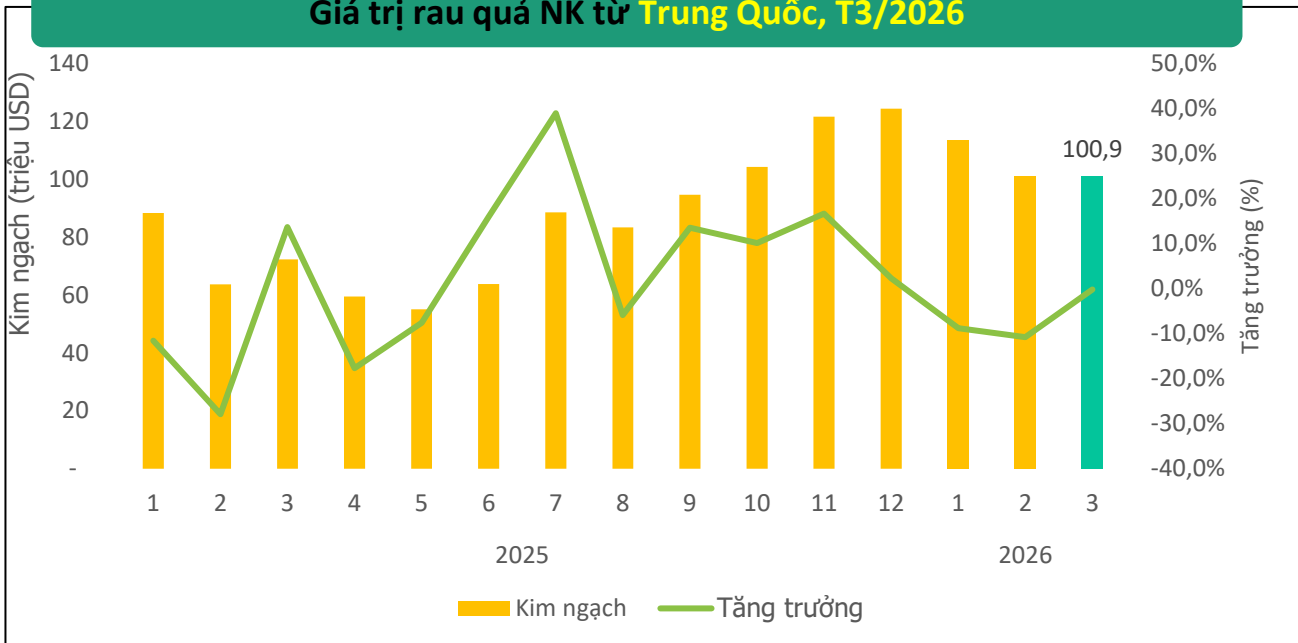
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T3/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T3/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH



100,9

triệu USD

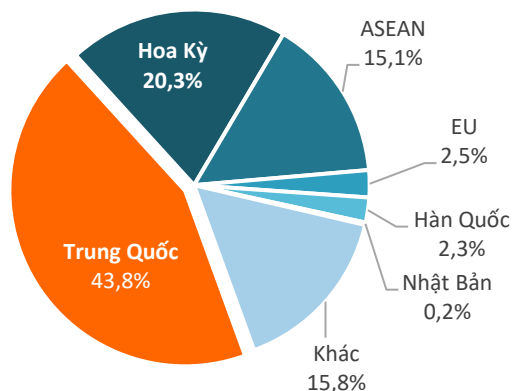
Giảm **0,2%** so với T2/2026

Tăng **39,6%** so với T3/2025

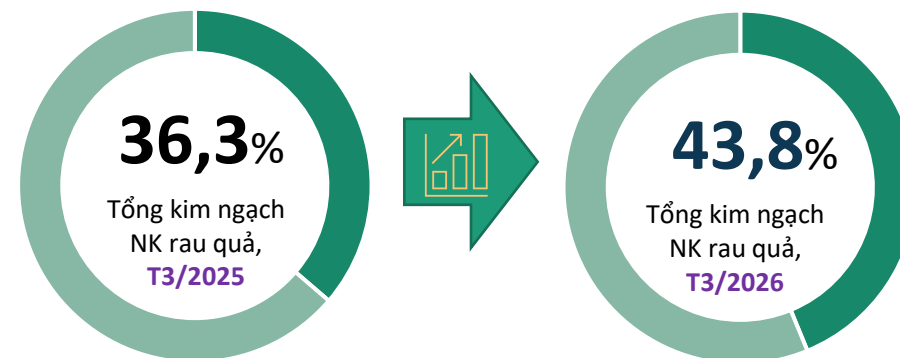
Cao hơn **16,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 3 tháng năm 2026 đạt **315,4** triệu USD, đạt **31,0%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T3/2026



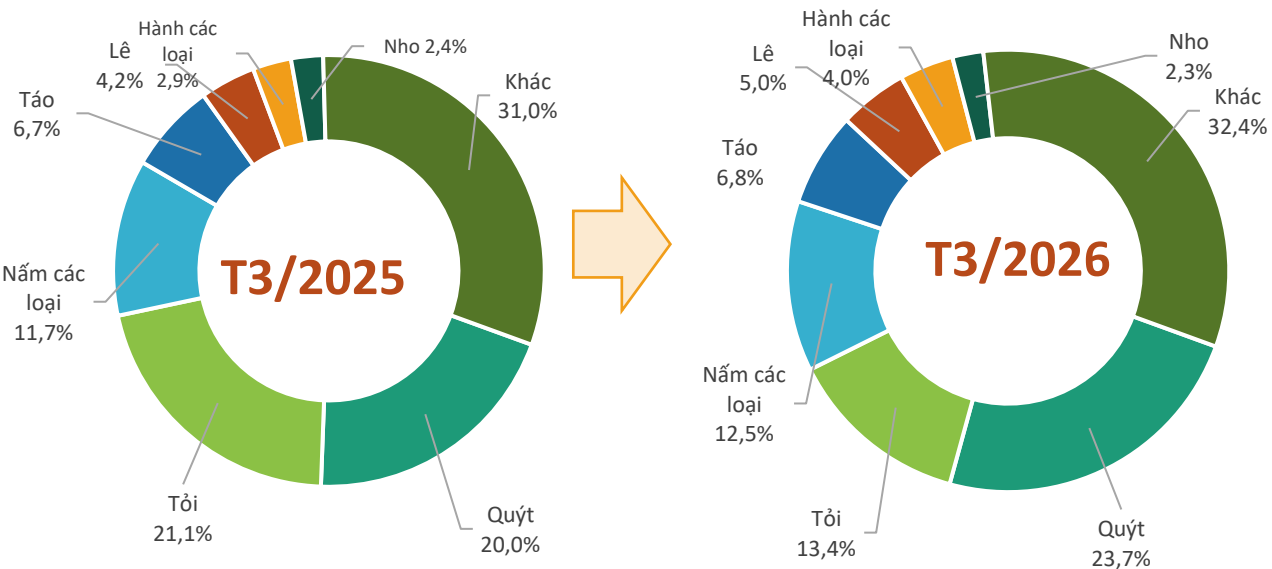
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T3/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T3/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T3/2026



Quýt

Kim ngạch: **23,9** triệu USD
Giảm **12,9%** so với T2/2026
Tăng **65,2%** so với T3/2025



Tỏi

Kim ngạch: **13,5** triệu USD
Tăng **24,5%** so với T2/2026
Giảm **11,4%** so với T3/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **12,6** triệu USD
Tăng **5,0%** so với T2/2026
Tăng **48,3%** so với T3/2025



Táo

Kim ngạch: **6,9** triệu USD
Giảm **10,7%** so với T2/2026
Tăng **42,2%** so với T3/2025



Lê

Kim ngạch: **5,1** triệu USD
Giảm **31,6%** so với T2/2026
Tăng **68,5%** so với T3/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **4,0** triệu USD
Tăng **35,9%** so với T2/2026
Tăng **91,3%** so với T3/2025



Nho

Kim ngạch: **2,3** triệu USD
Giảm **34,1%** so với T2/2026
Tăng **31,8%** so với T3/2025

Việt Nam ký nghị định thư xuất khẩu bưởi, chanh sang Trung Quốc

Ngày 15/4/2026, tại Bắc Kinh, trong khuôn khổ chuyến thăm cấp Nhà nước của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tới Trung Quốc, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả bưởi và chanh xuất khẩu.

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đánh giá, Nghị định thư vừa ký tiếp tục khẳng định xu hướng mở cửa thị trường theo hướng chính ngạch, minh bạch, tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, thể hiện tính kế thừa và ngày càng hoàn thiện của cơ chế hợp tác song phương.

Đến nay, Việt Nam và Trung Quốc đã ký tổng cộng hơn 20 thỏa thuận và nghị định thư liên quan đến xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Riêng trái cây, có khoảng 10 loại được xuất khẩu chính ngạch. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng đã tăng mạnh sau khi ký nghị định thư, đặc biệt là sầu riêng.

Nguồn: Fructiodor.com



Tin liên quan

Bảo quản ở nhiệt độ 12°C giúp kéo dài thời hạn sử dụng của xoài

Theo các nhà nghiên cứu tại Đại học Hải Nam, bảo quản xoài giống “Tainong số 1” ở nhiệt độ 12°C giúp kéo dài thời gian bảo quản hơn 3 tuần, vượt trội so với bảo quản ở nhiệt độ phòng (30°C). Nghiên cứu đã xem xét cấu trúc tế bào, hoạt động enzyme và biểu hiện gen. Ở mức nhiệt này, xoài chín chậm hơn, giữ được độ cứng, giảm hao hụt khối lượng (chỉ khoảng 3,5% so với hơn 17%) và duy trì chất lượng dinh dưỡng tốt hơn. Kết quả cho thấy 12°C là mức nhiệt tối ưu giúp kéo dài thời hạn sử dụng và hỗ trợ vận chuyển xa, mở ra hướng cải thiện chuỗi bảo quản lạnh cho xoài và các loại trái cây nhiệt đới.

Nguồn: Studyfinds.com

Thượng Hải đặt ra các mục tiêu sản xuất rau mới

Thượng Hải đã ban hành kế hoạch sản xuất rau năm 2026 với mục tiêu duy trì diện tích trồng rau tối thiểu 1,31 triệu mu (khoảng 87.300 ha) và sản lượng đạt trên 2,6 triệu tấn, đồng thời bảo vệ 300.000 mu (khoảng 20.000 ha) đất rau cố định để ổn định nguồn cung. Về hạ tầng, thành phố sẽ nâng cấp nhà kính cũ, xây dựng và cải tạo khoảng 6.000 mu (400 ha) vùng trồng rau công nghệ cao, thúc đẩy cơ giới hóa và quản lý số, đồng thời phát triển sản xuất xanh như kiểm soát sâu bệnh, tưới tiết kiệm, bảo vệ đất. Bên cạnh đó, cơ cấu cây trồng được điều chỉnh theo hướng tăng rau giá trị cao và giống địa phương, kết hợp phát triển chuỗi lạnh và liên kết tiêu thụ, nhằm đảm bảo cung ứng ổn định, nâng chất lượng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

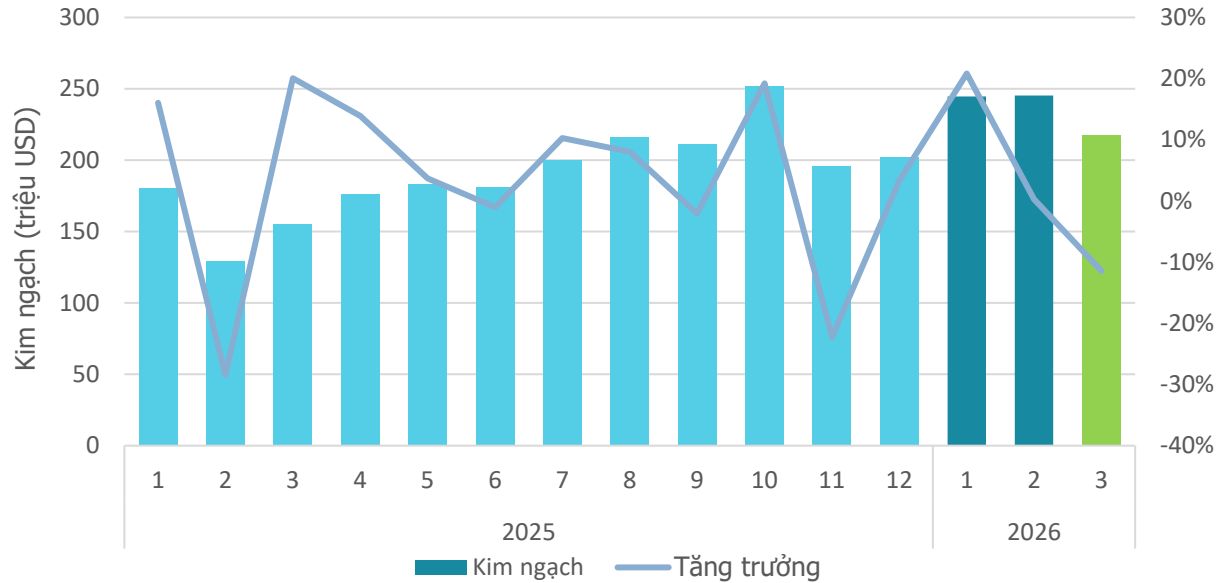
Nguồn: Fructidor.com





THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH

217,3

 triệu USD

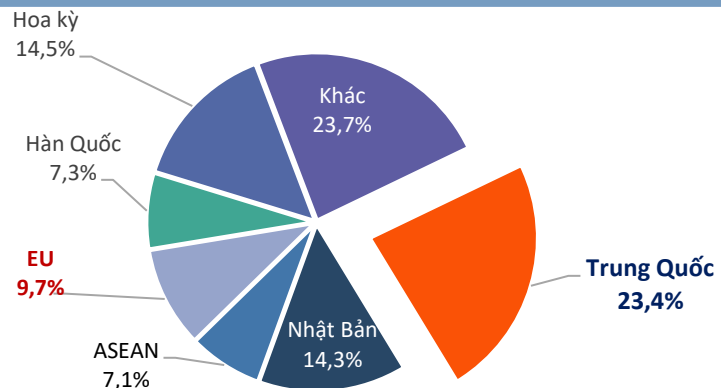
↘ Giảm **11,4%** so với T2/2026

↗ Tăng **40,2%** so với T3/2025

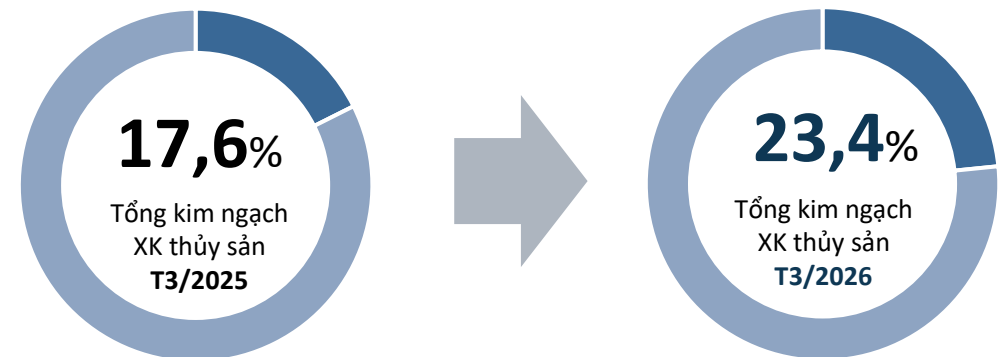
▲ Cao hơn **27,2** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng 2026 đạt **707,3** triệu USD, Đạt **31,0%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



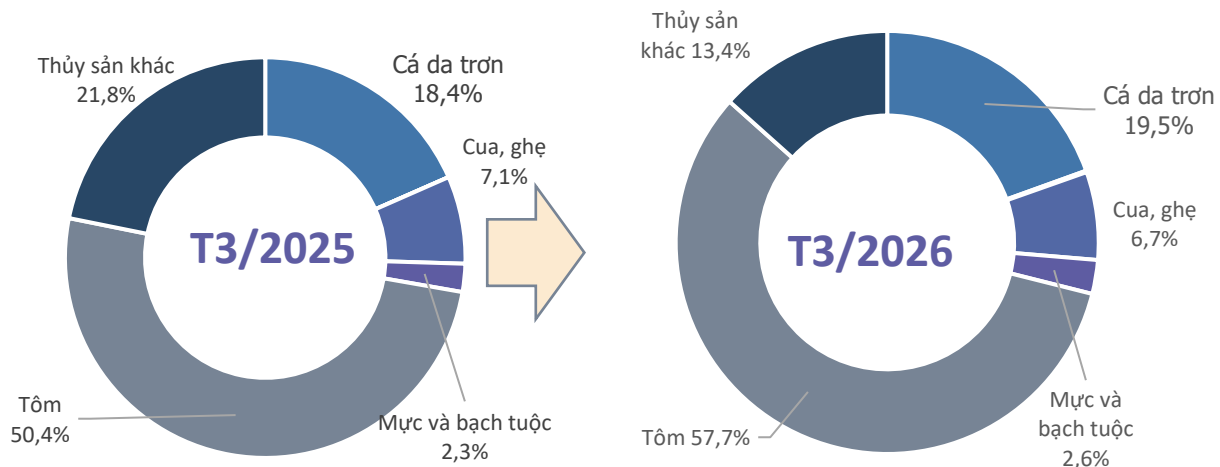
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **42,1** Triệu USD
 Tăng **95,0%** so với T2/2026
 Tăng **47,9%** so với T3/2025



Tôm

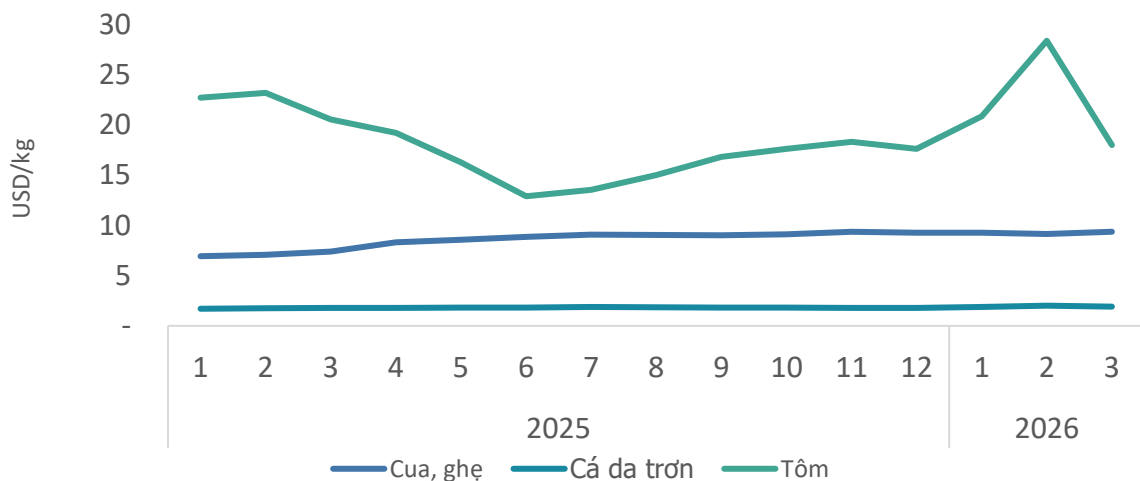
Kim ngạch: **124,7** Triệu USD
 Giảm **25,9%** so với T2/2026
 Tăng **59,9%** so với T3/2025



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **14,5** Triệu USD
 Giảm **30,3%** so với T2/2026
 Tăng **32,9%** so với T3/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **9,3** USD/kg; **tăng 2,4%** so với tháng trước; và **tăng 26,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **1,9** USD/kg; **giảm 4,5%** so với tháng trước; và **tăng 6,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

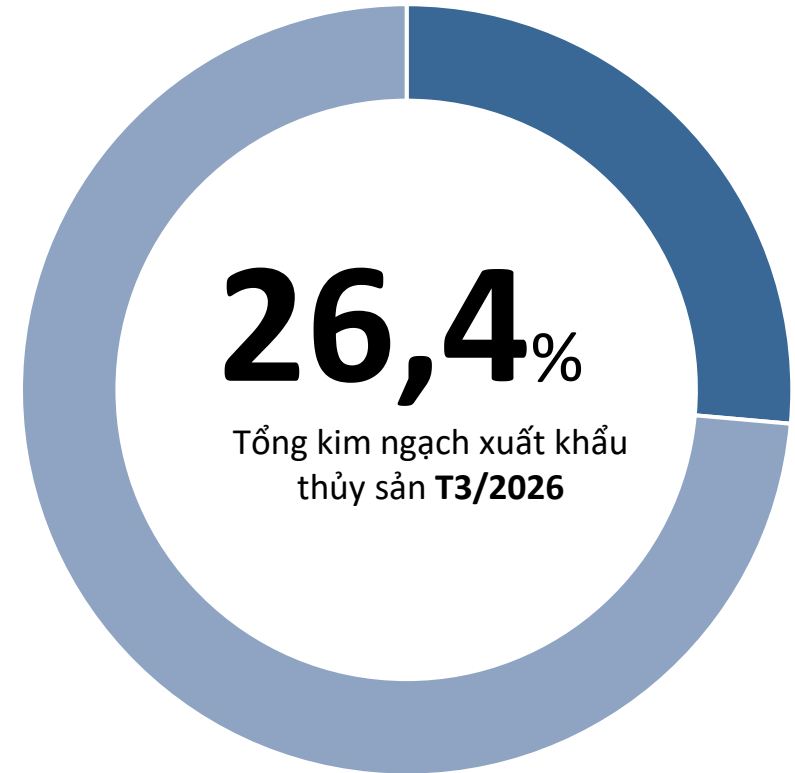
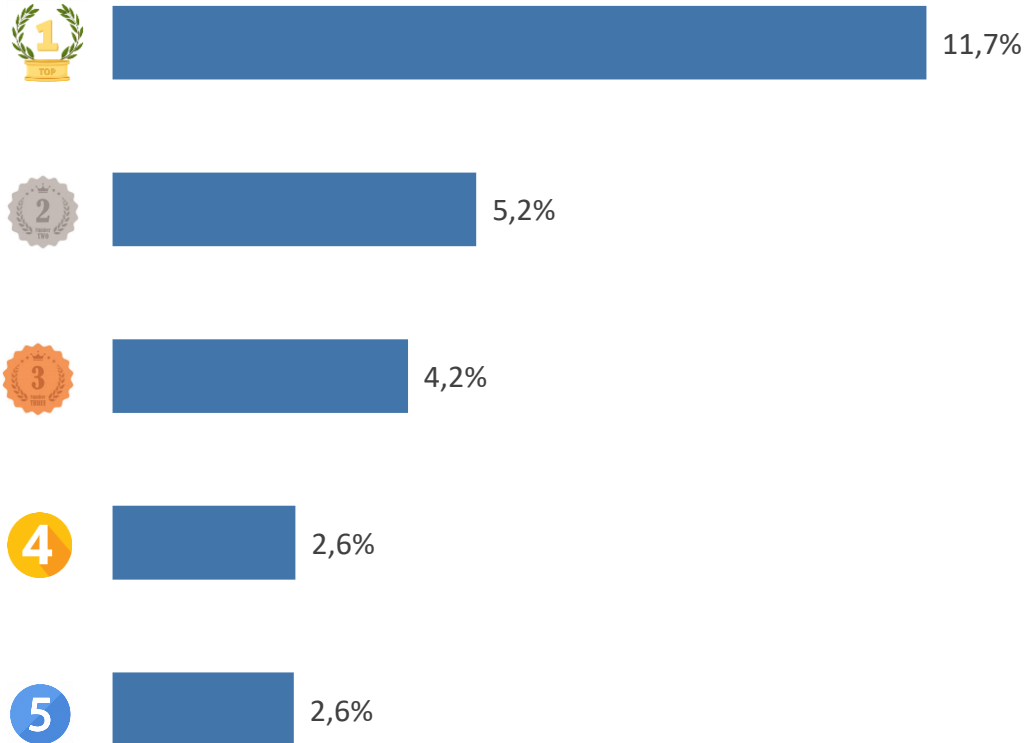
Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **18,0** USD/kg; **giảm 36,6%** so với tháng trước; và **giảm 12,5%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Việt Nam vươn lên thành nguồn cung tôm hùm chủ lực

Giá trị nhập khẩu tôm hùm sống của Trung Quốc tăng mạnh từ khoảng 1,2 tỷ USD năm 2017 lên gần 3,9 tỷ USD vào năm 2025. Tôm hùm sống được ưa chuộng không chỉ vì độ tươi mà còn do sản phẩm này gắn với hình ảnh sang trọng, may mắn và thịnh vượng, đặc biệt trong các dịp lễ, tiệc gia đình và tiếp khách.

Nhu cầu tôm hùm tại Trung Quốc cao nhất vào dịp Tết Nguyên Đán, giá tôm hùm tại các chợ đầu mối lớn như Thượng Hải, Quảng Châu và Bắc Kinh có thể tăng từ 50% đến gần gấp đôi so với bình thường. Tuy nhiên, giá tăng trong thời gian ngắn; sau kỳ nghỉ, nhu cầu giảm nhanh kéo theo giá giảm mạnh. Điều này khiến thương nhân và nhà cung cấp phải tính toán thận trọng, nhất là với hàng sống vốn có chi phí bảo quản cao, tỷ lệ hao hụt lớn và rủi ro biến động giá ngắn hạn.

Việt Nam nổi lên nhanh chóng trở thành nguồn cung tôm hùm chủ lực nhờ sản phẩm tôm hùm xanh, với giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc đạt gần 1 tỷ USD vào năm 2025 và sản lượng hơn 41.000 tấn. Lợi thế của Việt Nam nằm ở khả năng cung ứng ổn định, quy mô lớn, mức giá phù hợp và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Trung Quốc. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam cần theo sát diễn biến giá, kiểm soát chất lượng, logistics và tăng khả năng đáp ứng yêu cầu nhập khẩu ngày càng chặt chẽ từ Trung Quốc.



Nguồn: Vasep

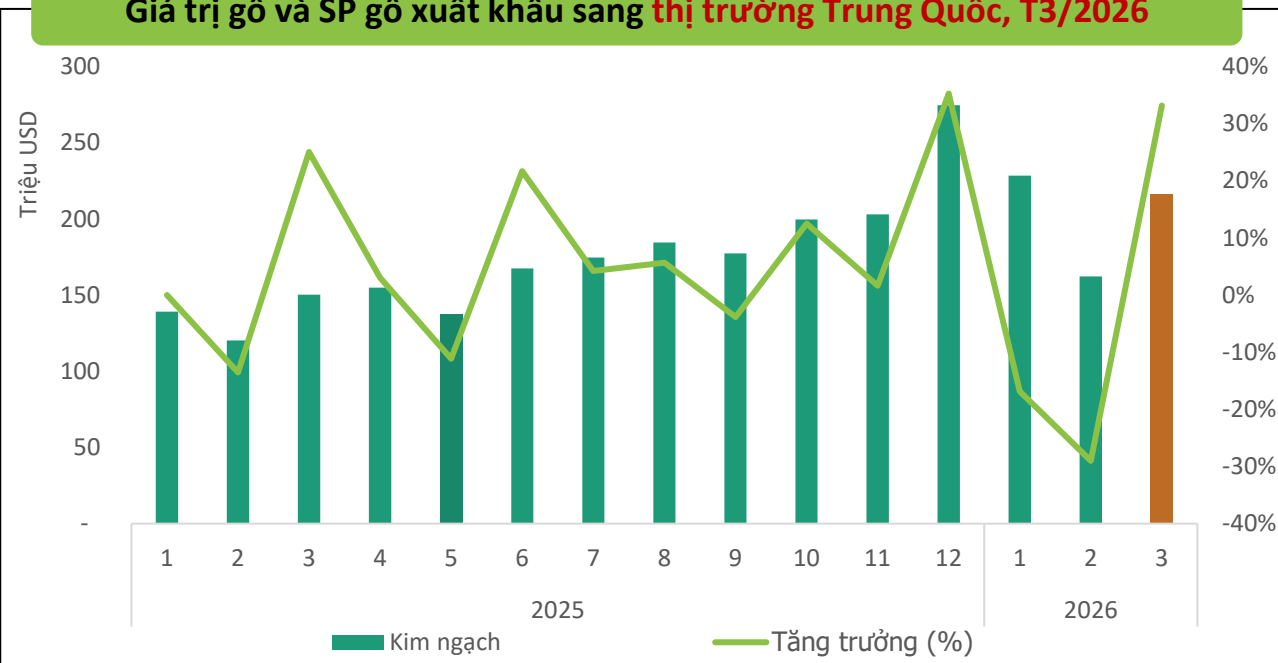


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH



216

triệu USD

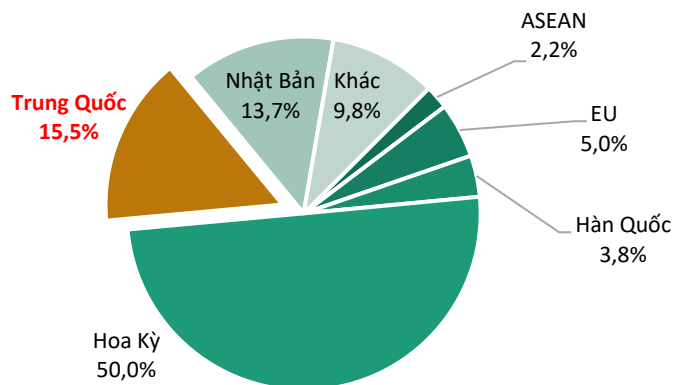
➔ Tăng **33,2%** so với T2/2026

➔ Tăng **43,6%** so với T3/2025

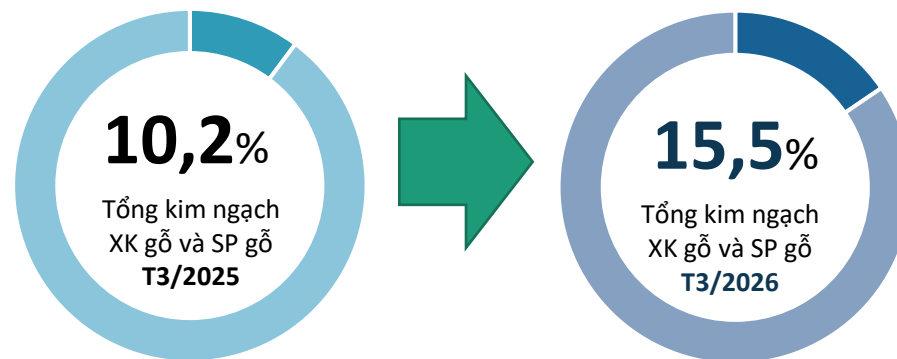
⬆ Cao hơn **42,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 đạt **606,6** triệu USD, đạt **29,1%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



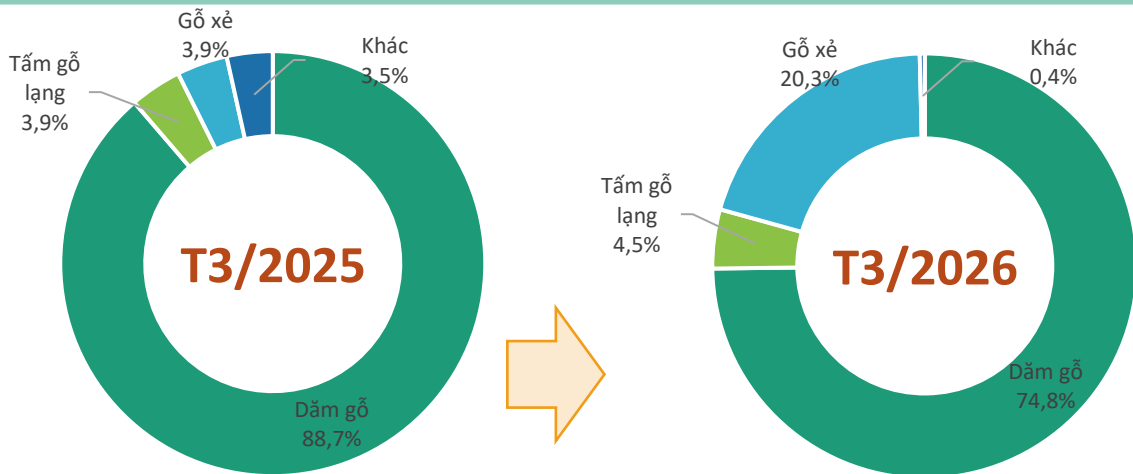
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **158,5** triệu USD
 Tăng **14%** so với T2/2026
 Tăng **23%** so với T3/2025



Gỗ xẻ

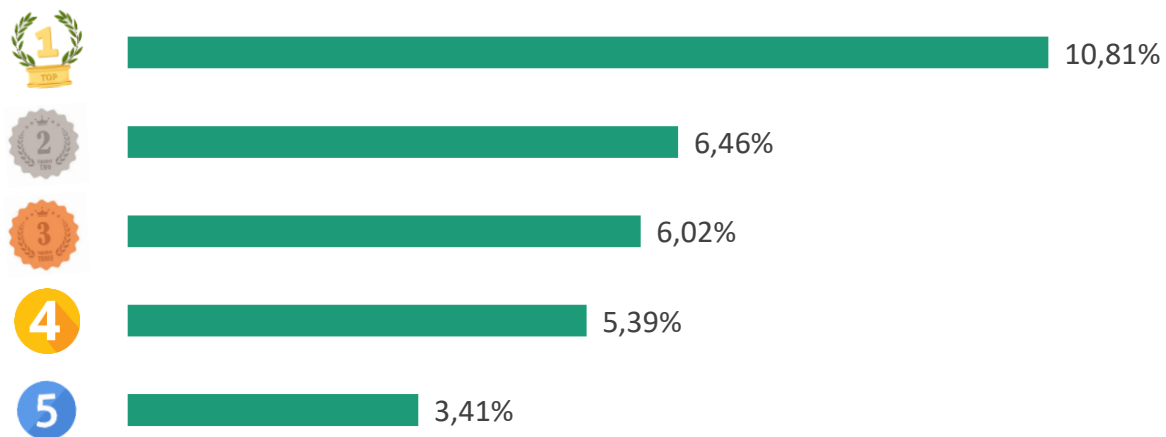
Kim ngạch: **43,1** triệu USD
 Tăng **202%** so với T2/2026
 Tăng **303%** so với T3/2025



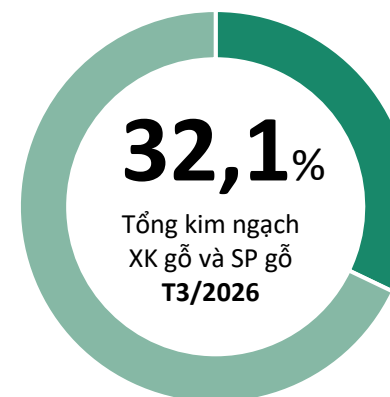
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **9,5** triệu USD
 Tăng **149%** so với T2/2026
 Tăng **66%** so với T3/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T3/2026





GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

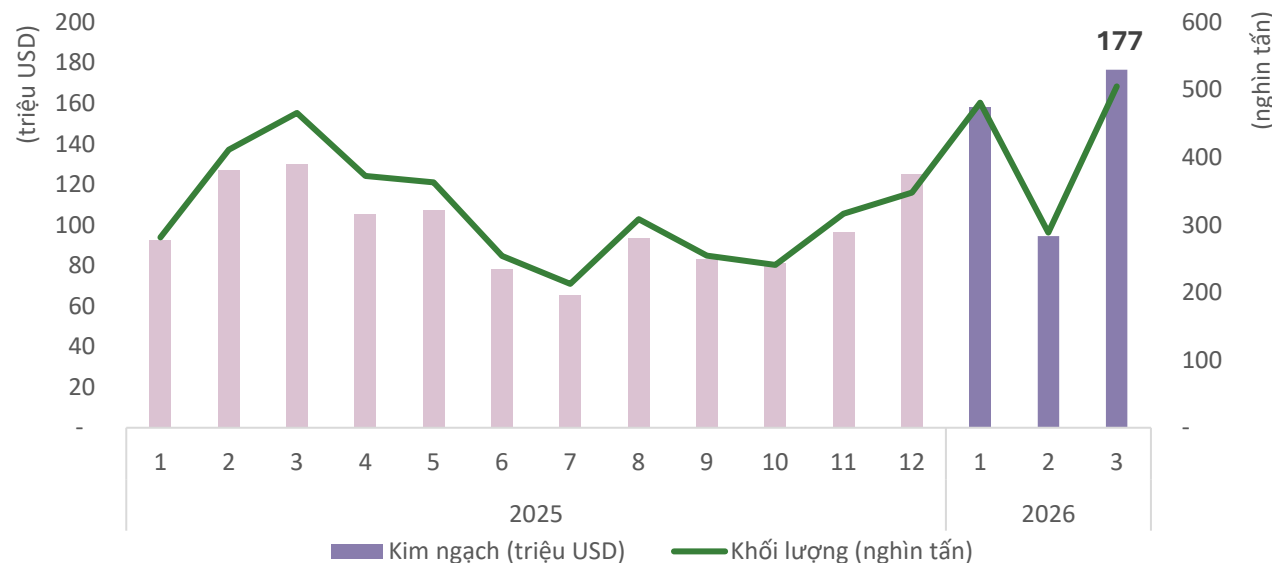
Nhu cầu gỗ cứng tại Trung Quốc trong năm 2026 được dự báo vẫn ở mức yếu, do nền kinh tế tăng trưởng chậm và thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi rõ. Theo Báo cáo Hardwood Market Update 2026 của USDA, sức mua gỗ tại Trung Quốc đã giảm từ năm 2025 và đến nay vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu là hoạt động xây dựng nhà ở mới suy giảm, chi tiêu tiêu dùng thắt chặt hơn, trong khi xuất khẩu các sản phẩm gỗ chế biến cũng gặp nhiều khó khăn do tranh chấp thương mại và tiêu chuẩn môi trường ngày càng nghiêm ngặt tại các thị trường nhập khẩu.

Sản xuất gỗ trong nước của Trung Quốc đang có xu hướng tăng, giúp doanh nghiệp bớt phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, nhất là ở nhóm gỗ công nghiệp và ván composite. Nhìn chung, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Trung Quốc trong năm 2026 nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu áp lực, đặc biệt ở các phân khúc phục vụ sản xuất nội thất và sàn gỗ.



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH

176,6 triệu USD

↗ Tăng **86,7%** so với T02/2026

↗ Tăng **36,0%** so với T3/2025

↑ Cao hơn **78,8** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2026 đạt **429** triệu USD, đạt **36,6%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

505 nghìn tấn

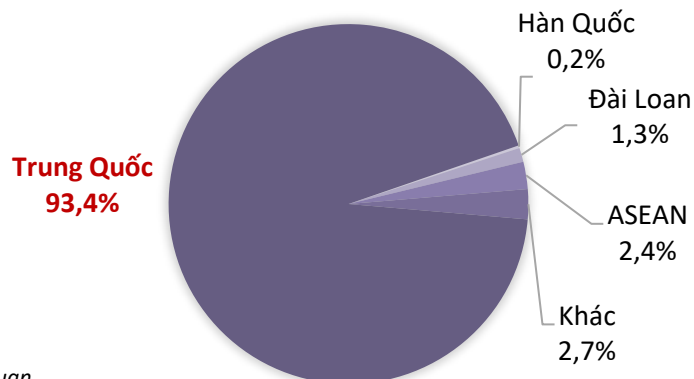
↗ Tăng **74,8%** so với T02/2026

↗ Tăng **8,4%** so với T3/2025

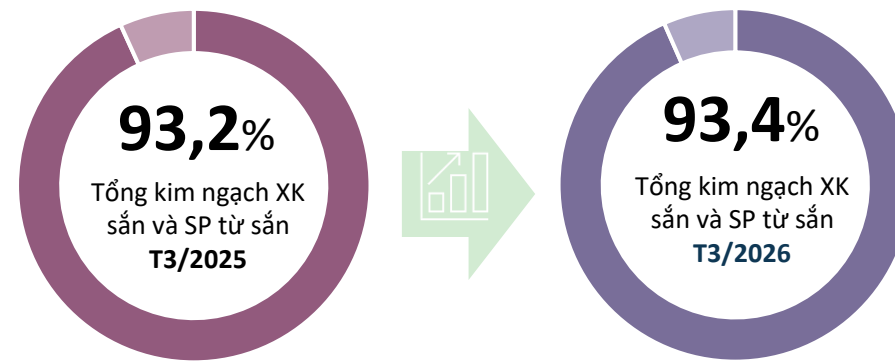
↑ Cao hơn **192** nghìn tấn so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2026 đạt **1,27** triệu tấn, đạt **33,9%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



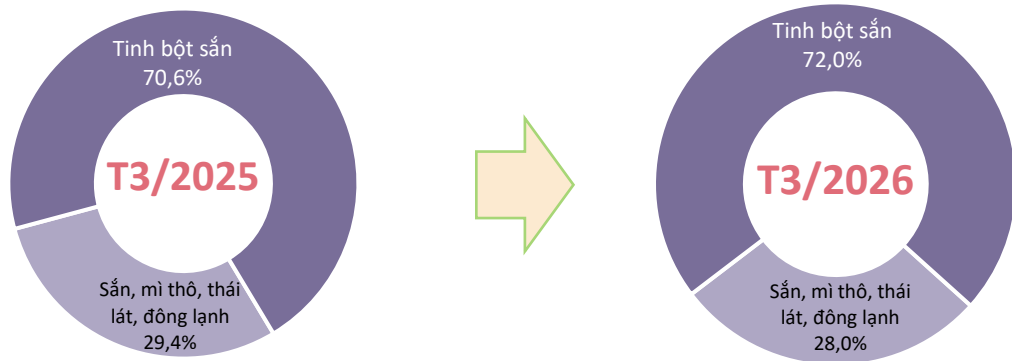
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Sản thô, thái lát, đông lạnh

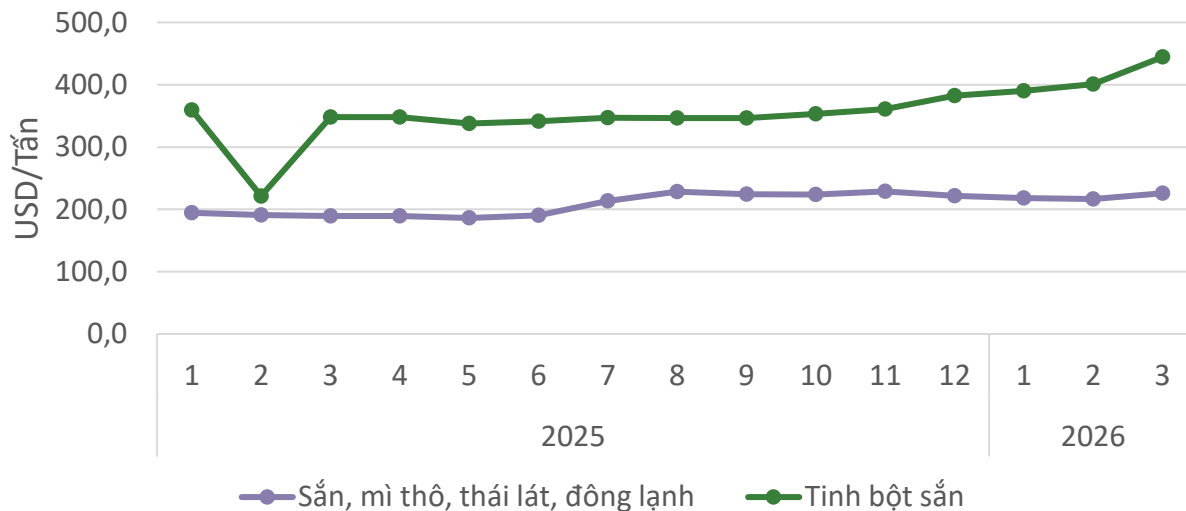
Kim ngạch: **49,4** triệu USD
 Tăng **54,5%** so với T02/2026
 Tăng **78,4%** so với T3/2025



Tinh bột sắn

Kim ngạch: **127,2** triệu USD
 Tăng **77,5%** so với T02/2026
 Tăng **90,6%** so với T3/2025

Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tinh bột sắn

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **444** USD/tấn; **tăng 19,2%** so với tháng trước; và **tăng 27,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

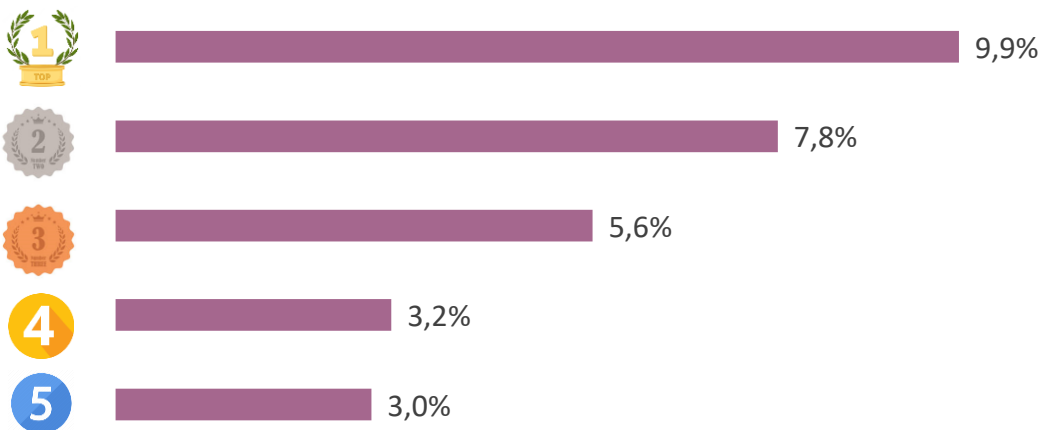
Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **226** USD/tấn; **tăng 4,2%** so với tháng trước; và **tăng 10,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

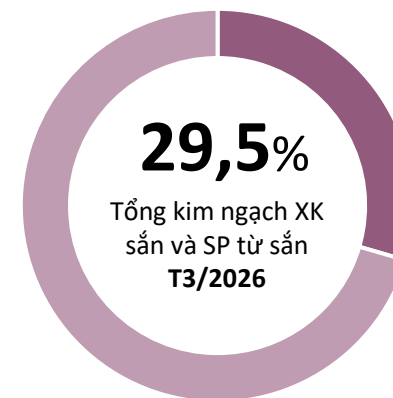


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

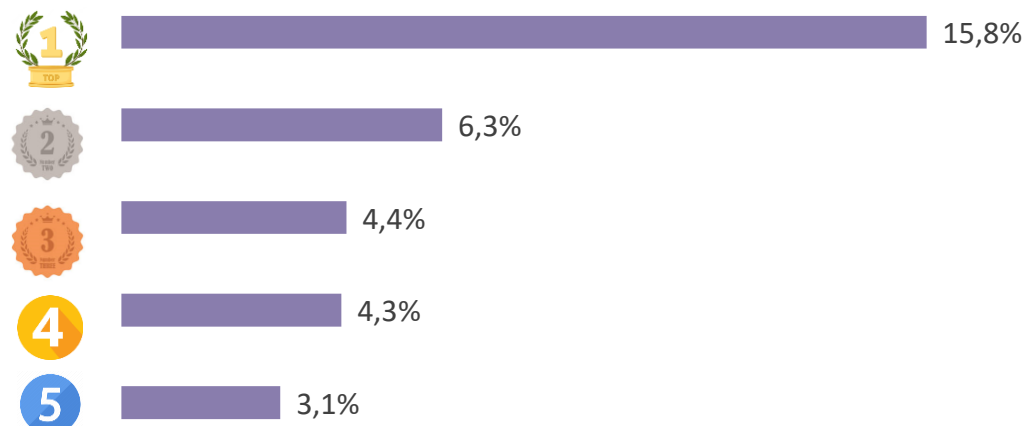
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



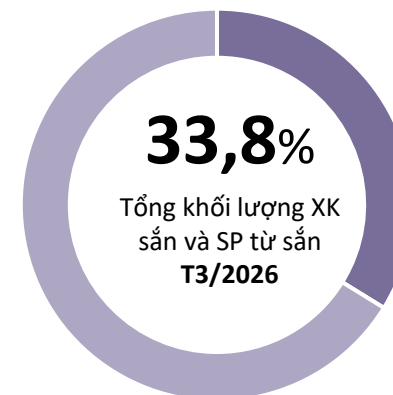
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





Trong tháng 3/2026, xuất khẩu sắn của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh

Trung Quốc tiếp tục là thị trường tiêu thụ lớn nhất của sắn Việt Nam. Trong quý I, giá trị nhập khẩu đạt 1,27 triệu tấn, tương đương 429,42 triệu USD, chiếm 95,14% về lượng và 93,75% về giá trị xuất khẩu của Việt Nam.

Giá xuất khẩu trung bình đạt 336,88 USD/tấn, tăng 11,65% so với quý I/2025. Riêng trong tháng 3/2026, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 505 nghìn tấn, tương đương 176,6 triệu USD, tăng mạnh 74,8% về khối lượng và 86,7% về kim ngạch so với tháng trước đó.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào một thị trường. Vì bất kỳ thay đổi nào về chính sách nhập khẩu hoặc nhu cầu từ thị trường này cũng có thể tác động đáng kể đến toàn ngành.



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SP TỪ SẢN TRUNG QUỐC



Thái Lan tăng cường mở rộng xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc

Ngày 28/4, Cục Ngoại thương Thái Lan cho biết 22 doanh nghiệp ngành sản nước này đã sang Trùng Khánh để kết nối giao thương với 34 doanh nghiệp Trung Quốc. Hoạt động này mở ra cơ hội đưa sản Thái Lan vào thị trường miền Tây Trung Quốc, khu vực có nhu cầu tăng đối với nguyên liệu thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và công nghiệp chế biến. Trong một năm tới, tổng giá trị đơn hàng sản dự kiến đạt hơn 63,25 triệu USD, gồm tinh bột sản, sản lát và sản viên. Với lợi thế logistics của Trùng Khánh, hàng Thái Lan có thể rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm chi phí và nâng cao sức cạnh tranh tại thị trường Trung Quốc.

Nguồn: 163.com



Doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư xây nhà máy tinh bột sản tại Campuchia

Ngày 27/4/2026, Công ty Guanshen Shengda Agriculture Industry Co., Ltd. đã khởi công xây dựng nhà máy sản xuất tinh bột sản mới tại làng Chek, xã Ou, huyện Phnom Sruoch, tỉnh Kampong Speu, Campuchia, với tổng vốn đầu tư khoảng 20 triệu USD.

Nhà máy có công suất dự kiến 100.000 tấn tinh bột sản/năm, đồng thời sản xuất 100.000 tấn sản khô và khoảng 30.000 tấn phụ phẩm sản phục vụ thức ăn chăn nuôi. Sau khi đi vào hoạt động, dự án kỳ vọng tạo doanh thu khoảng 90 triệu USD/năm.

Dự án được kỳ vọng tạo nguồn cung ổn định cho thương mại sản Campuchia - Trung Quốc, đồng thời góp phần mở rộng hợp tác chuỗi sản xuất nông nghiệp và thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước.

Nguồn: dap-news.com

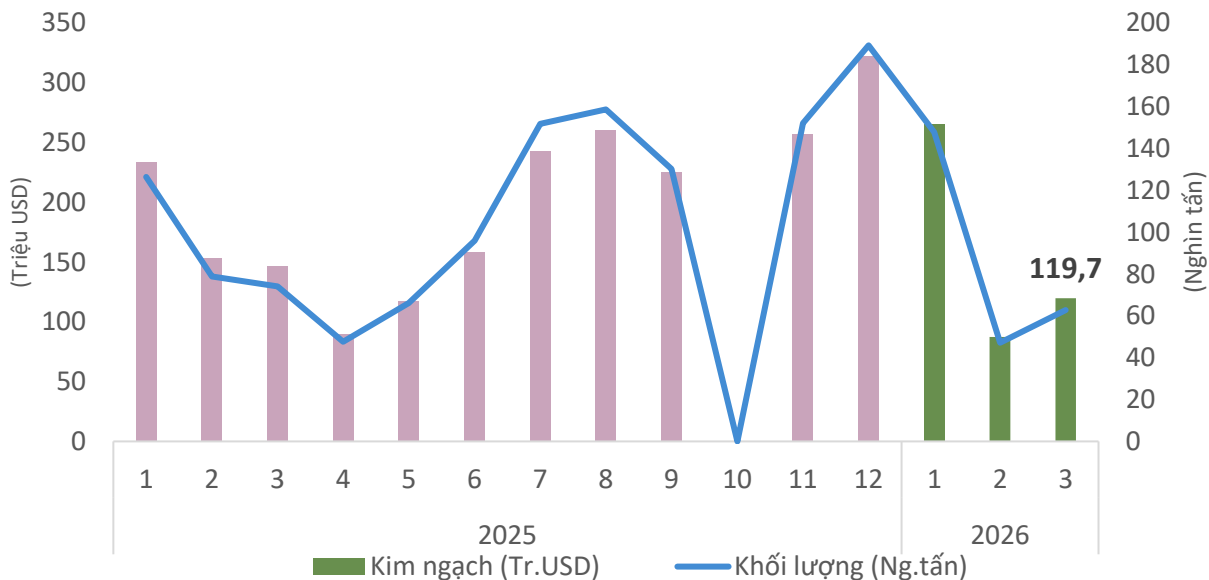


TIN LIÊN QUAN



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH

119,7 triệu USD

↗ Tăng **37,1%** so với T02/2026

↘ Giảm **18,2%** so với T3/2025

↓ Thấp hơn **84 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2026 đạt **352,3 triệu USD**, đạt **14,4%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

62,7 nghìn tấn

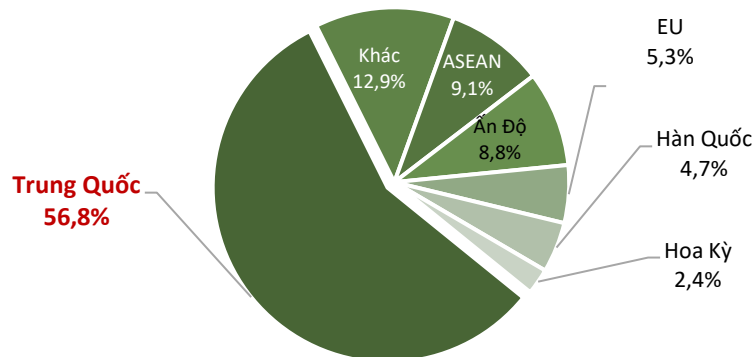
↗ Tăng **32,8%** so với T02/2026

↘ Giảm **15,3%** so với T3/2025

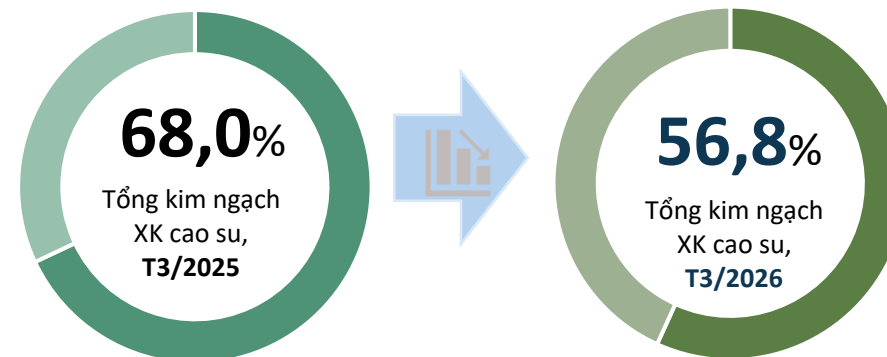
↓ Thấp hơn **55 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2026 đạt **195 nghìn tấn**, đạt **13,8%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



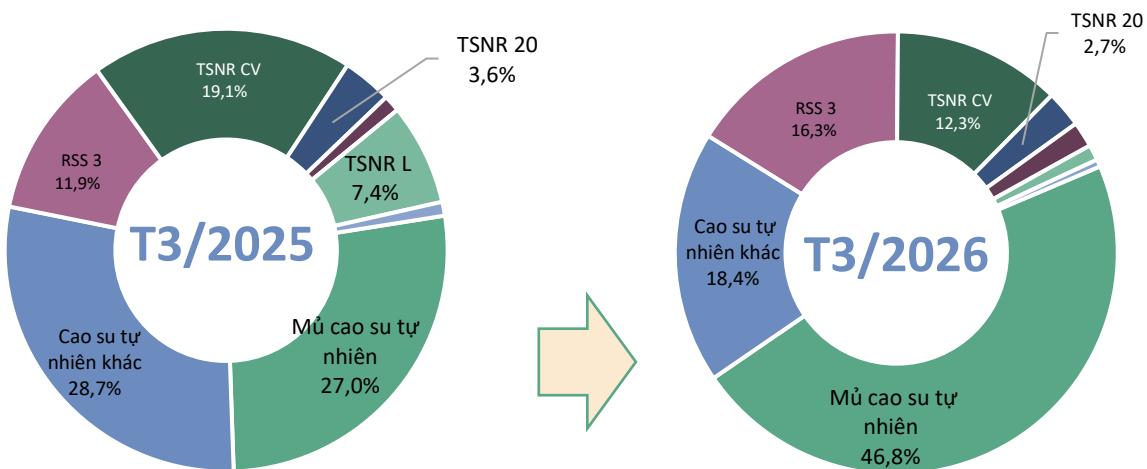
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **56,0** triệu USD
 Tăng **15,6%** so với T02/2026
 Tăng **135%** so với T3/2025



RSS 3

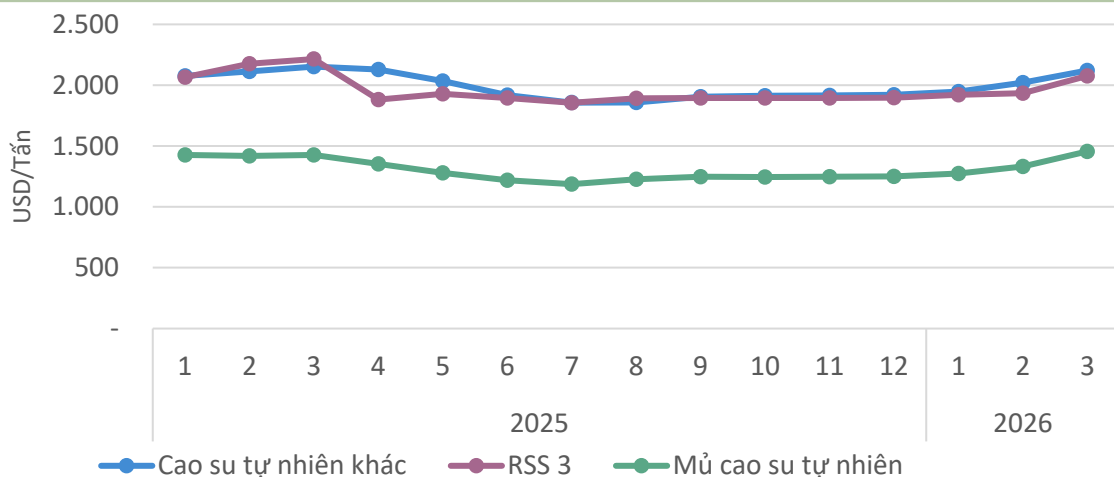
Kim ngạch: **19,5** triệu USD
 Tăng **59,5%** so với T02/2026
 Giảm **12,1%** so với T3/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **22,1** triệu USD
 Tăng **75,8%** so với T02/2026
 Giảm **51,7%** so với T3/2025

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **1.456** USD/tấn; **tăng 9,3%** so với tháng trước; và **tăng 2,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **2.078** USD/tấn; **tăng 7,3%** so với tháng trước; và **giảm 6,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

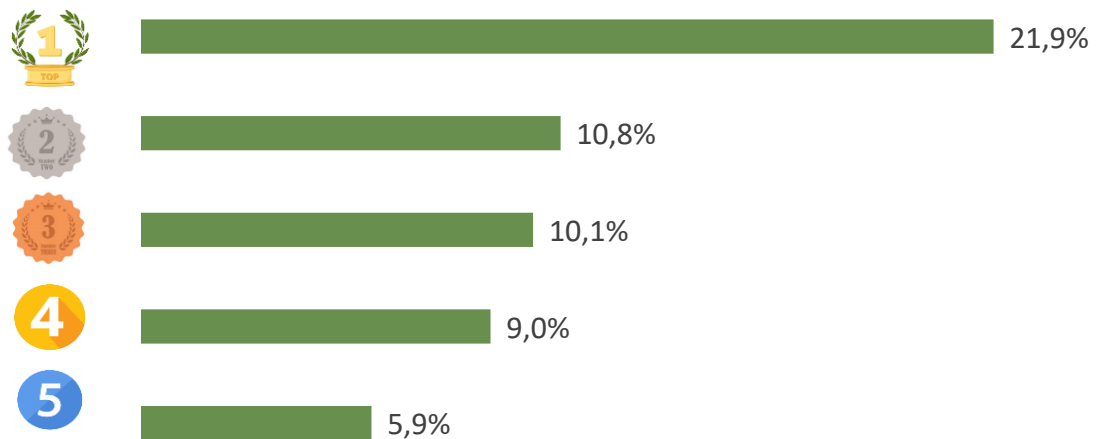
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **2.121** USD/tấn; **tăng 4,9%** so với tháng trước; và **giảm 1,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

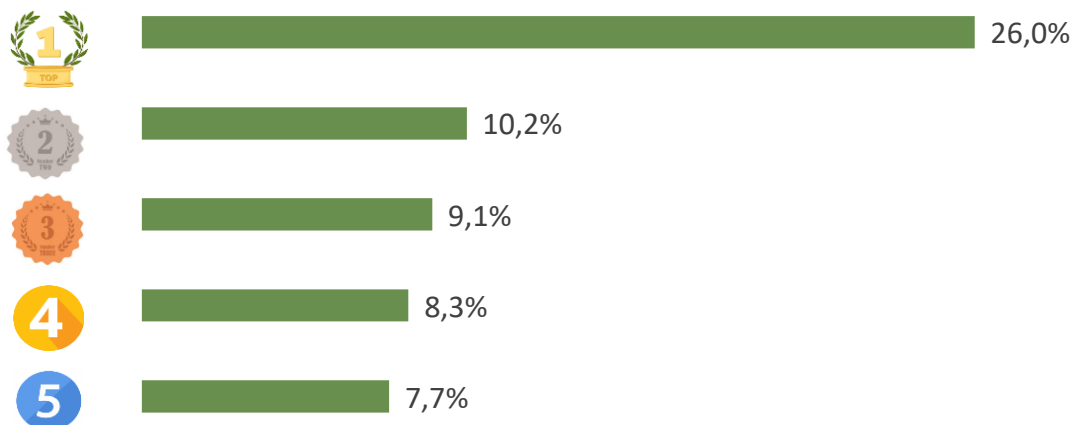


CAO SU

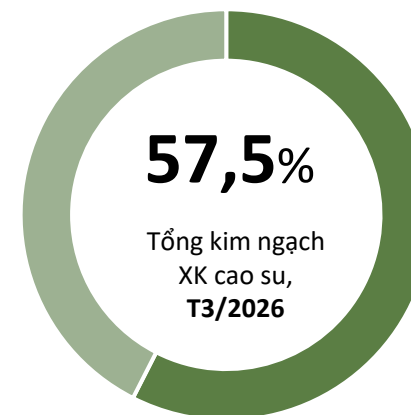
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



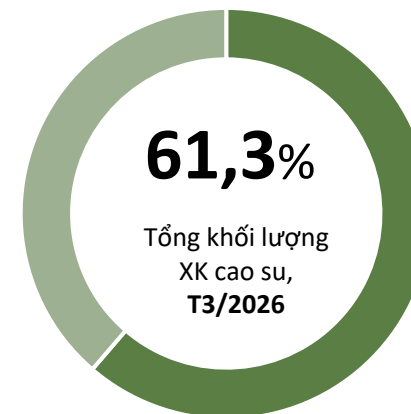
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

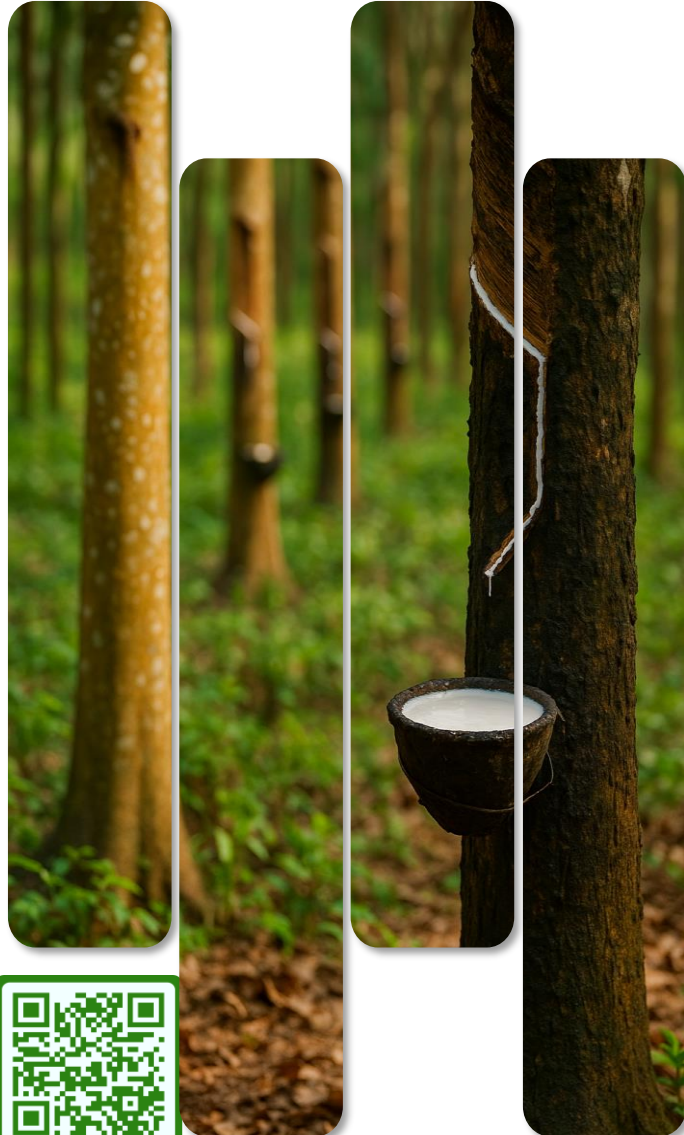




❖ Nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng mạnh trong tháng 3/2026

Trung Quốc nhập khẩu 787 nghìn tấn cao su tự nhiên và cao su tổng hợp trong tháng 3/2026, tăng 30,9% so với tháng trước và tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung quý I/2026, nhập khẩu cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, gồm cả mủ cao su, đạt 2,191 triệu tấn, tăng nhẹ 0,4% so với cùng kỳ.

Việc nhập khẩu tăng mạnh trong tháng 3 làm gia tăng áp lực tồn kho tại Trung Quốc, qua đó khiến giá cao su có xu hướng giảm. Trong thời gian tới, thị trường sẽ phụ thuộc nhiều vào tốc độ khôi phục khai thác tại các vùng sản xuất, diễn biến hạn hán tại Thái Lan, nhu cầu từ ngành lốp xe, cũng như các yếu tố vĩ mô như giá dầu, rủi ro địa chính trị và tâm lý giao dịch.





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Trung Quốc không miễn thuế cho cao su tự nhiên

Ngày 28/4/2026, Ủy ban Thuế quan Quốc vụ viện Trung Quốc công bố chính sách thuế mới, theo đó từ ngày 01/5/2026 đến 30/4/2028, Trung Quốc sẽ áp dụng thuế suất 0% đối với một số mặt hàng từ 20 quốc gia châu Phi. Tuy nhiên, Hiệp hội Công nghiệp Cao su Trung Quốc cho biết các sản phẩm liên quan đến cao su tự nhiên không nằm trong diện được miễn thuế. Cụ thể, các sản phẩm thuộc nhóm mã HS 4001, 4005 và mã 40028000 đều bị loại khỏi phạm vi ưu đãi, bao gồm hầu hết các mặt hàng liên quan đến cao su tự nhiên.

Nguồn: news.smm.cn

❖ Nghiên cứu mới mở hướng canh tác cao su bền vững bằng phân hữu cơ

Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Cao su, Viện Khoa học Nông nghiệp Nhiệt đới Trung Quốc, cho biết thay thế phân hóa học bằng phân hữu cơ có thể giúp tăng khả năng lưu giữ carbon trong đất trồng cao su. Kết quả thí nghiệm kéo dài 12 năm cho thấy phân hữu cơ giúp cải thiện độ pH, tăng hàm lượng carbon hữu cơ trong tầng đất 0–20 cm từ 14,85% đến 52,35% và nâng chỉ số quản lý kho carbon từ 35,06% đến 105,86%. Kết quả này cung cấp cơ sở khoa học cho việc áp dụng chiến lược bón phân thông minh, góp phần phát triển ngành cao su theo hướng bền vững và giảm phát thải.

Nguồn: plantnutrifert.org





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH
79,0 triệu USD

↗ Tăng **152,4%** so với T2/2026

↘ Giảm **1,1%** so với T3/2025

↗ Cao hơn **65,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 đạt **167,0** triệu USD, đạt **44,7%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG
156,3 nghìn tấn

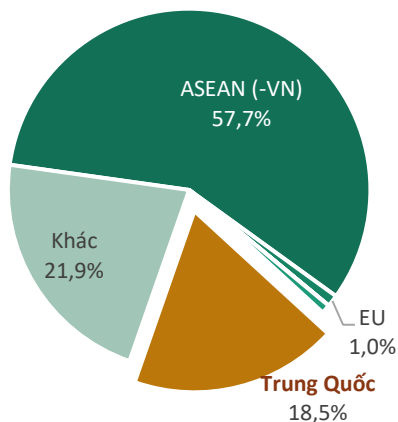
↗ Tăng **126,6%** so với T2/2026

↘ Giảm **1,7%** so với T3/2025

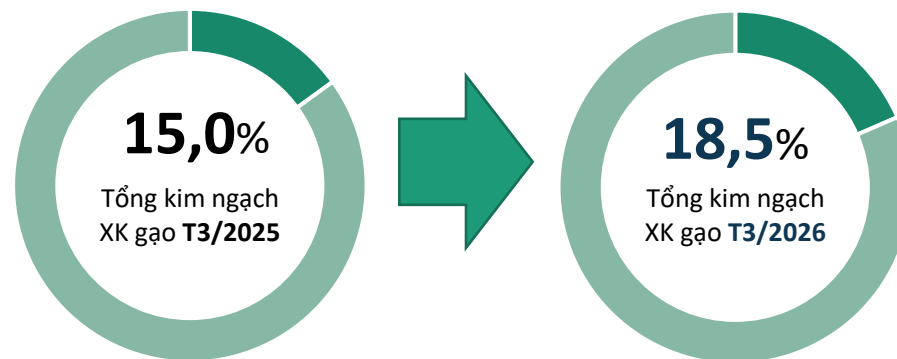
↗ Cao hơn **128,6 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 đạt **334,5** nghìn tấn, đạt **44,8%** lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



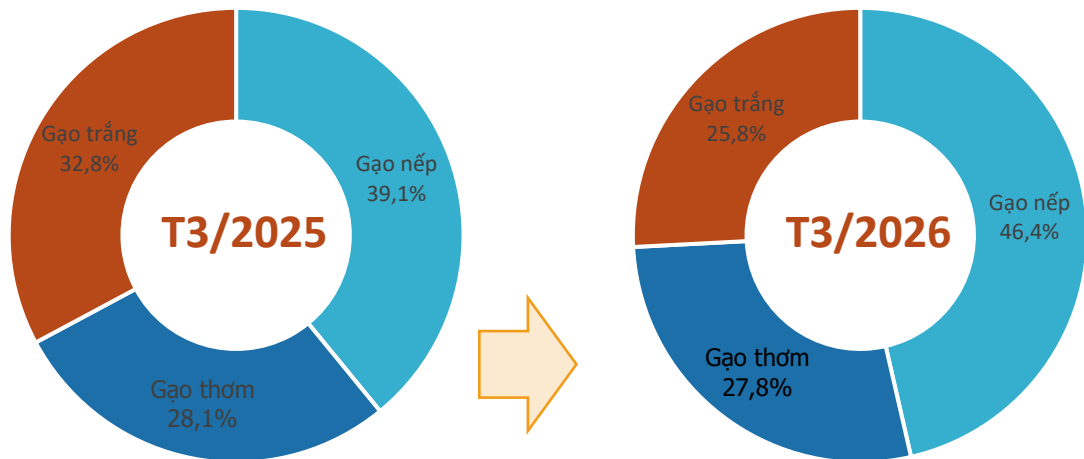
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Gạo nếp

Kim ngạch: **72,6** triệu USD
 Tăng **5,3** lần với T2/2026
 Tăng **133%** so với T3/2025



Gạo thơm

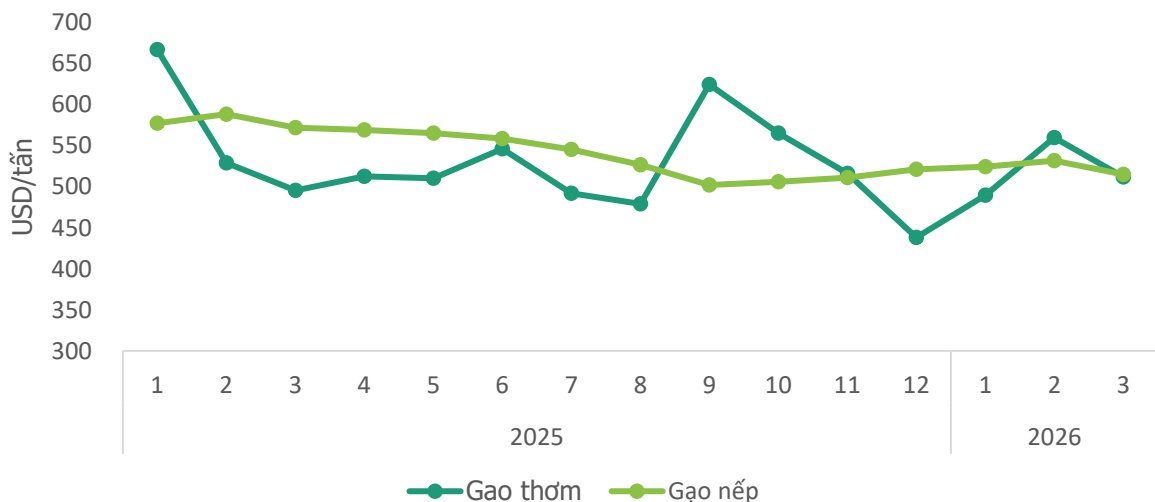
Kim ngạch: **44,4** triệu USD
 Tăng **117%** so với T2/2026
 Tăng **94%** so với T3/2025



Gạo trắng

Kim ngạch: **40,4** triệu USD
 Tăng **107%** so với T2/2026
 Tăng **54%** so với T3/2025

Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **515** USD/tấn; **giảm 3%** so với tháng trước; và **giảm 10%** so với cùng kỳ năm 2025.

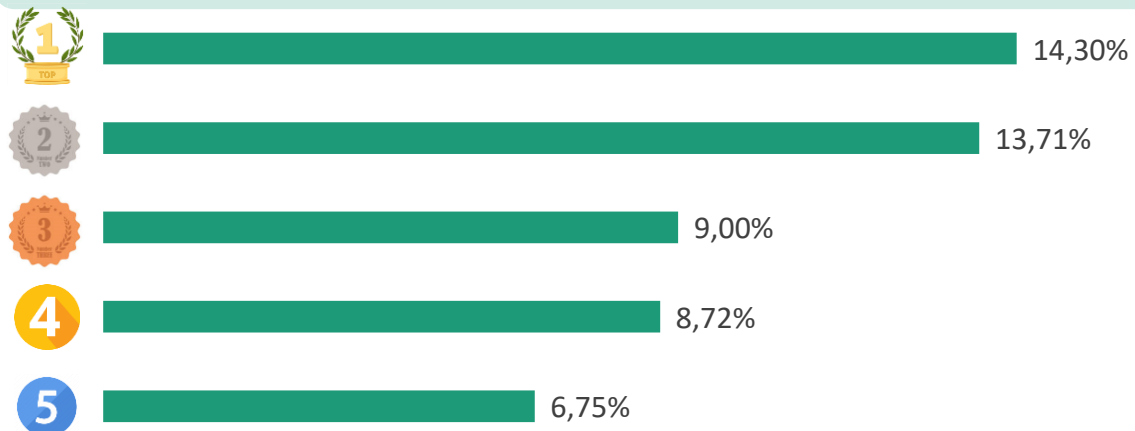
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **512** USD/tấn; **giảm 9%** so với tháng trước và **tăng 3%** so với cùng kỳ năm 2025.

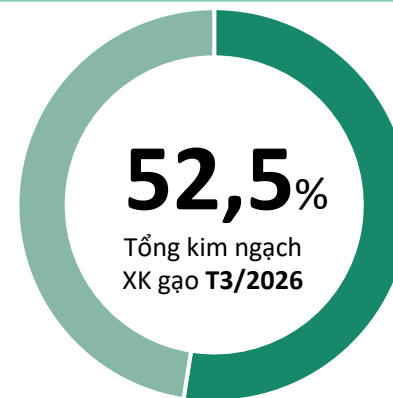


LÚA GẠO

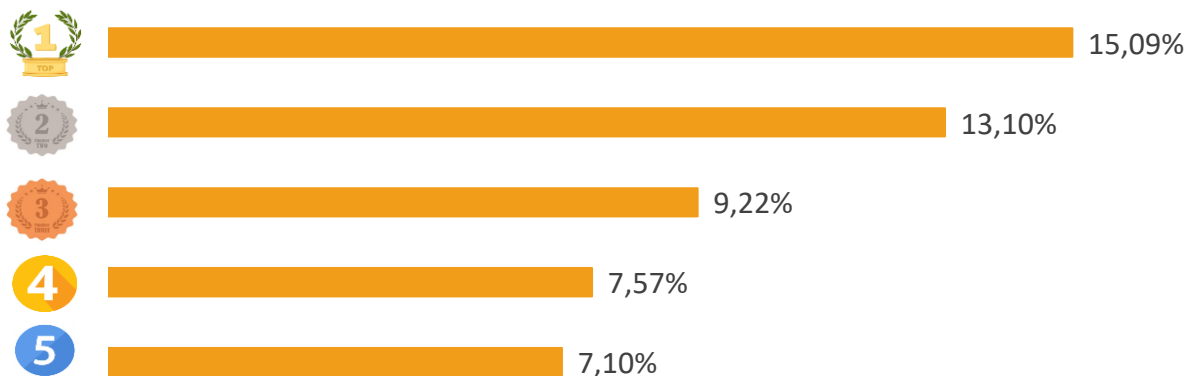
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



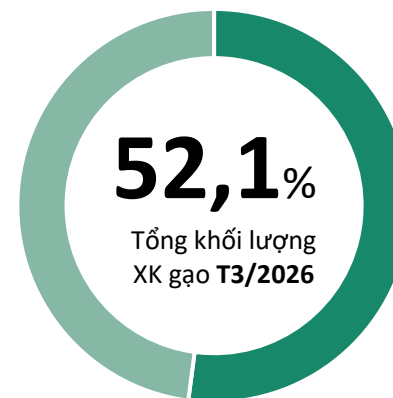
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC



Nhu cầu đối với gạo hữu cơ tại Trung Quốc đang gia tăng, người tiêu dùng ngày càng sẵn sàng tăng chi tiêu cho các sản phẩm gạo an toàn và tốt cho sức khỏe. Sự dịch chuyển này đang thúc đẩy nông dân ở Mai Hà Khẩu, tỉnh Cát Lâm mở rộng canh tác gạo hữu cơ thay cho gạo thường, khi lợi nhuận từ gạo thường chỉ khoảng 878,4 USD/ha, còn gạo hữu cơ có thể đạt 4.392 USD/ha.

Doanh số gạo hữu cơ trên nền tảng JD.com trong năm 2026 được ghi nhận tăng 25% so với cùng kỳ, cho thấy phân khúc này tiếp tục mở rộng dù giá bán cao hơn.

Nguồn: globaltimes.cn

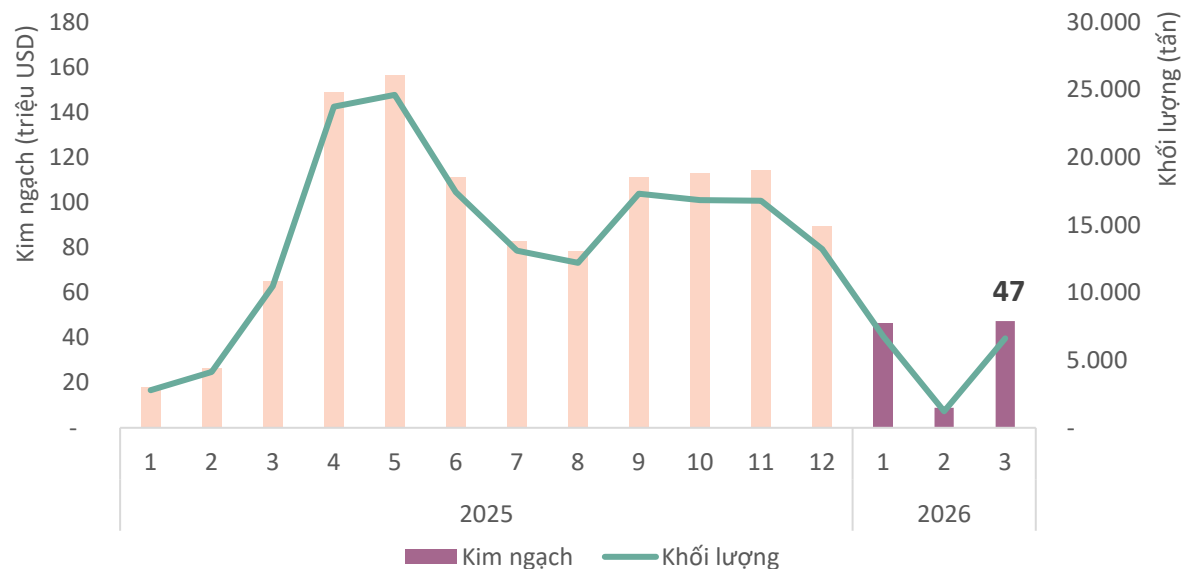


TIN LIÊN QUAN



HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH

47,3 triệu USD

↗ Tăng **433%** so với T02/2026

↘ Giảm **27,1%** so với T3/2025

↓ Thấp hơn **45,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2026 đạt **102,5 tỷ USD**, đạt **9,2%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

6,6 nghìn tấn

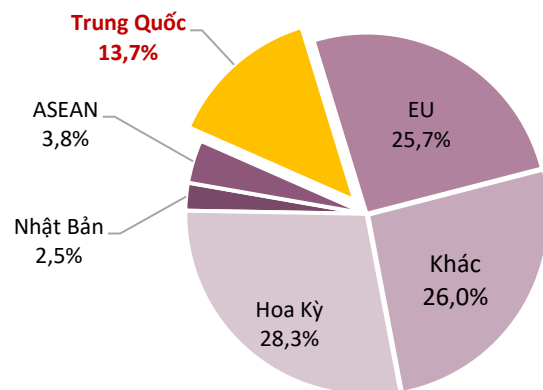
↗ Tăng **441%** so với T02/2026

↘ Giảm **36,9%** so với T3/2025

↓ Thấp hơn **7,8 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2026 đạt **14,6 nghìn tấn**, đạt **8,5%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



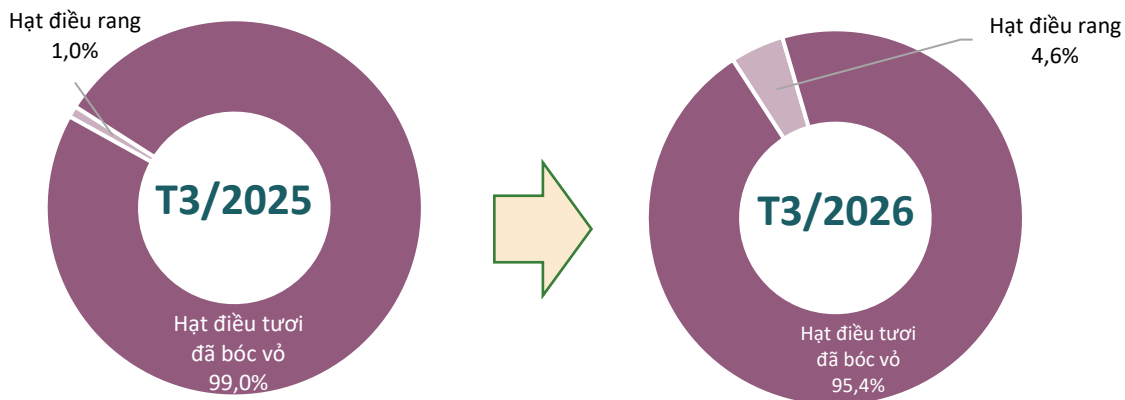
Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



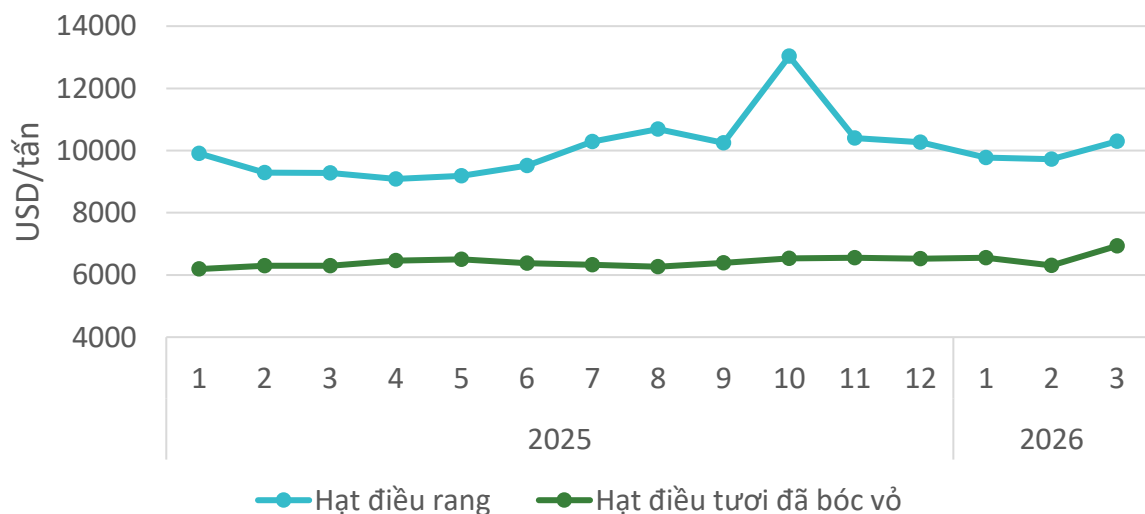


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **45,2** triệu USD

Cao hơn **25** lần so với T02/2026

Giảm **87,3%** so với T3/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **2,1** triệu USD

Tăng **413%** so với T02/2026

Giảm **5,2%** so với T3/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **6.935** USD/tấn; **tăng 10,0%** so với tháng trước; và **tăng 10,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

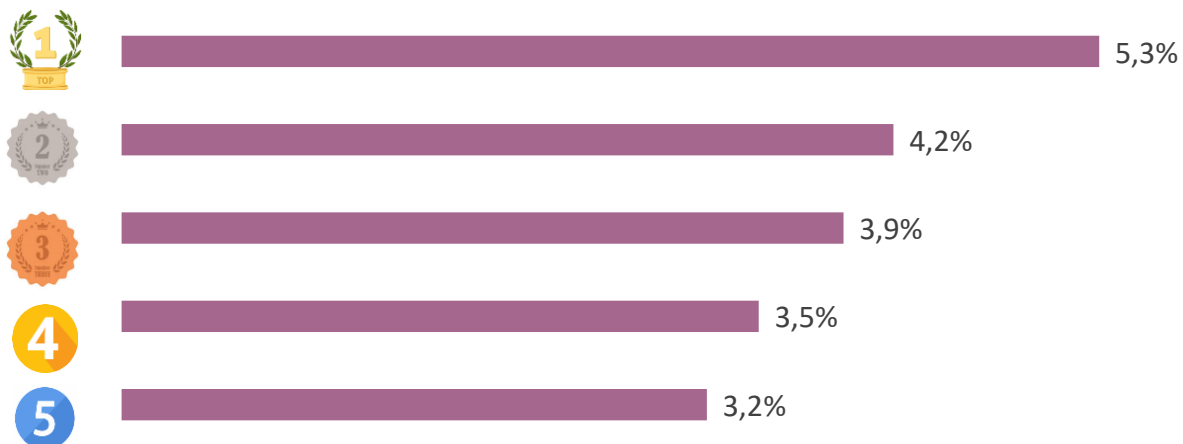
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **10.297** USD/tấn; **tăng 5,9%** so với tháng trước; và **tăng 11,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

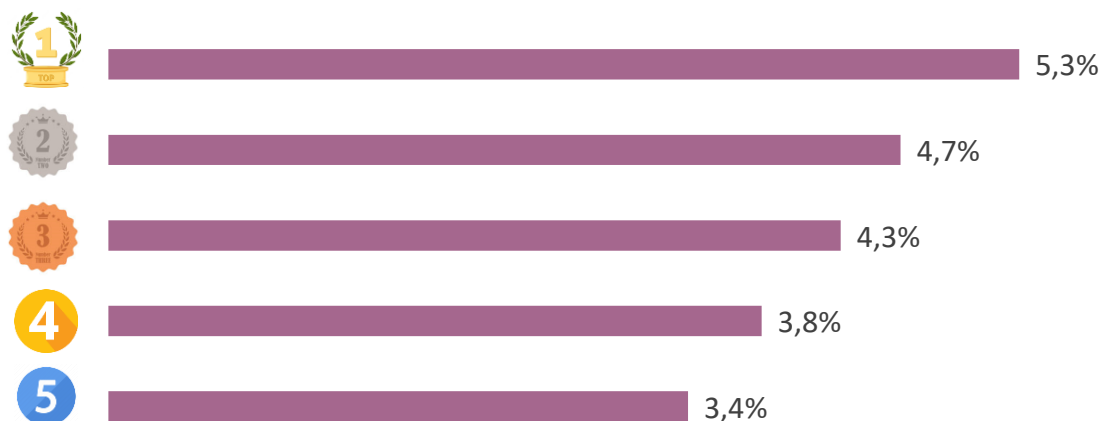


HẠT ĐIỀU

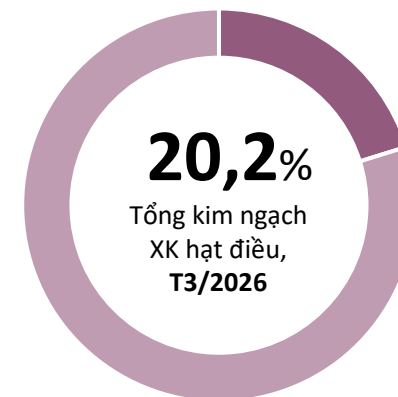
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



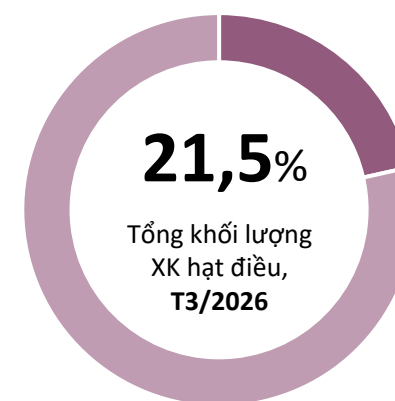
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





Trung Quốc hỗ trợ Bờ Biển Ngà nâng cấp ngành điều

Nhà máy chế biến điều Sg Agro thuộc Tập đoàn Southland Resources (Trung Quốc) tại Yamoussoukro, Bờ Biển Ngà đang trở thành một điểm nhấn với dây chuyền sản xuất có mức tự động hóa hơn 80%. Các khâu chính như sàng lọc, hấp, tách vỏ, bóc vỏ lụa, phân loại và đóng gói được cơ giới hóa, giúp nâng cao năng suất và ổn định chất lượng sản phẩm. Nhà máy hiện có khoảng 885 lao động, phần lớn là người địa phương, đồng thời áp dụng mô hình sản xuất luân phiên để duy trì hoạt động gần như liên tục.

Sự phát triển của Sg Agro gắn với định hướng của Bờ Biển Ngà trong việc giảm xuất khẩu điều thô và tăng chế biến trong nước. Từ khi đi vào hoạt động năm 2020, công suất nhà máy đã tăng từ 24.000 tấn/năm lên 35.000 tấn/năm và dự kiến đạt 50.000 tấn/năm vào cuối năm nay.

Theo lãnh đạo Southland Resources, mục tiêu của dự án không chỉ là mở rộng sản xuất mà còn hỗ trợ nâng cấp toàn bộ chuỗi giá trị điều tại Bờ Biển Ngà. Việc đưa công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại vào chế biến được kỳ vọng sẽ giúp nước này chuyển dần từ quốc gia sản xuất điều thô lớn sang trung tâm chế biến điều có giá trị gia tăng cao hơn.

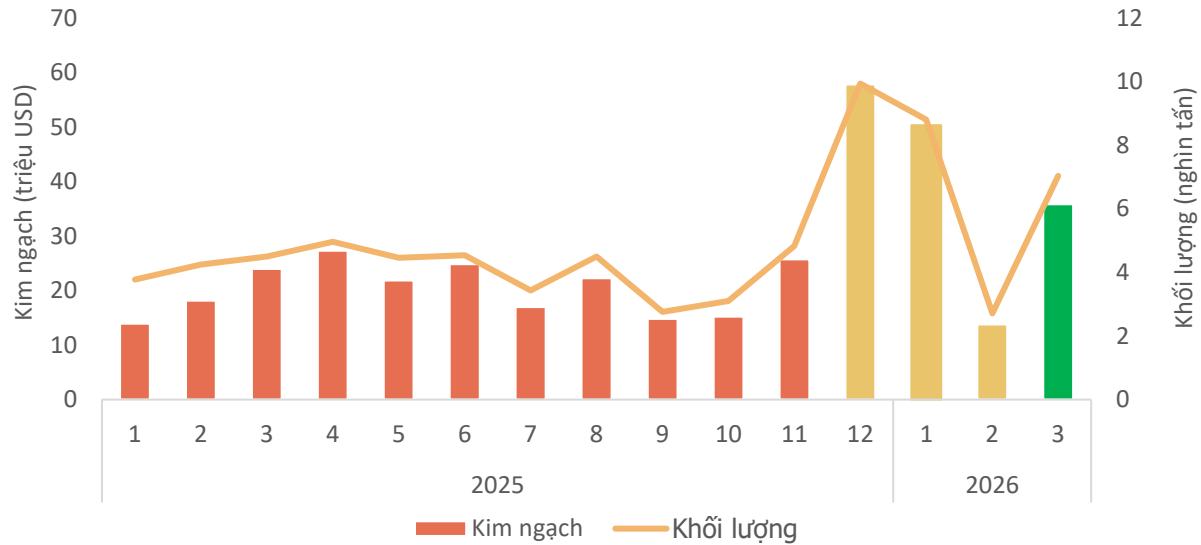
Nguồn: world.people.com.cn





CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang thị trường Trung Quốc, T3/2026

KIM NGẠCH

38,5 triệu USD

↗ Tăng **160%** so với T2/2026

↗ Tăng **49,6%** so với T3/2025

↗ Cao hơn **12,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 3 tháng năm 2026 đạt **99,9** tr.USD, đạt **35,4%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

7 nghìn tấn

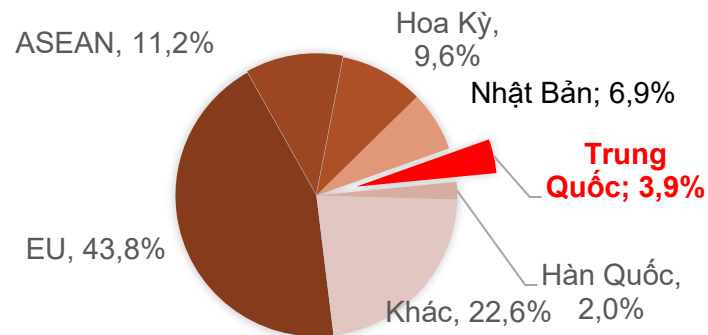
↗ Tăng **160%** so với T2/2026

↗ Tăng **56,4%** so với T3/2025

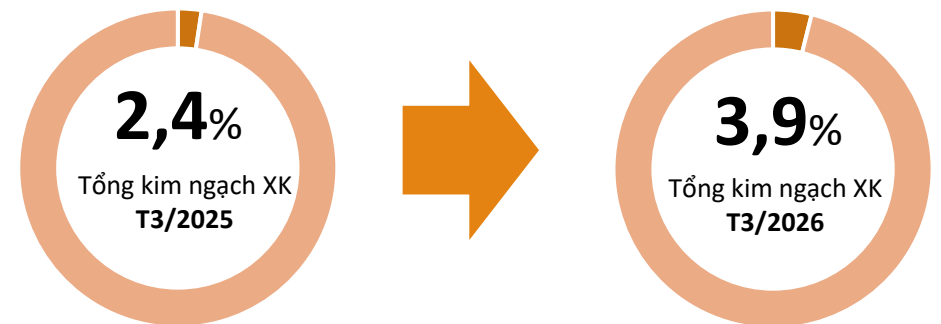
↗ Cao hơn **2,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 3 tháng năm 2026 đạt **18,6** nghìn tấn, đạt **33,7%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



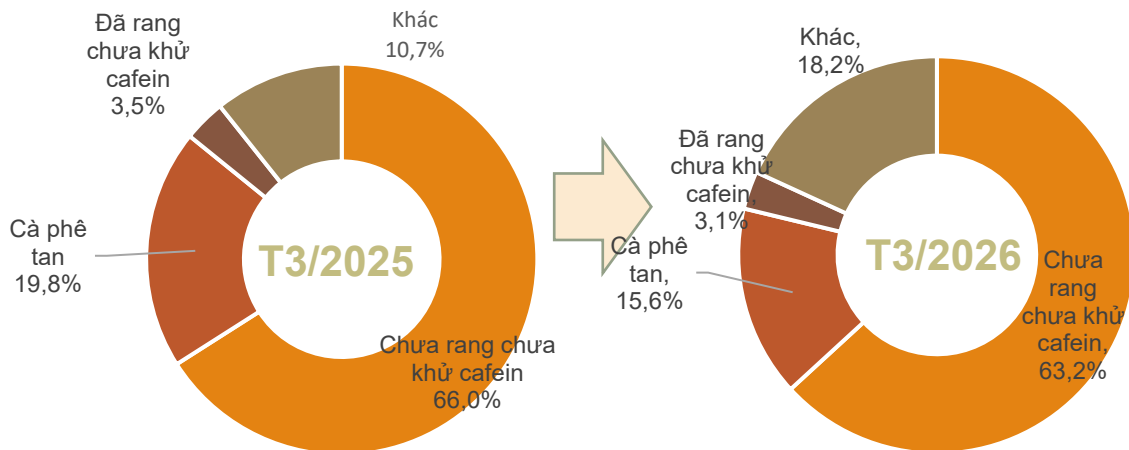
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



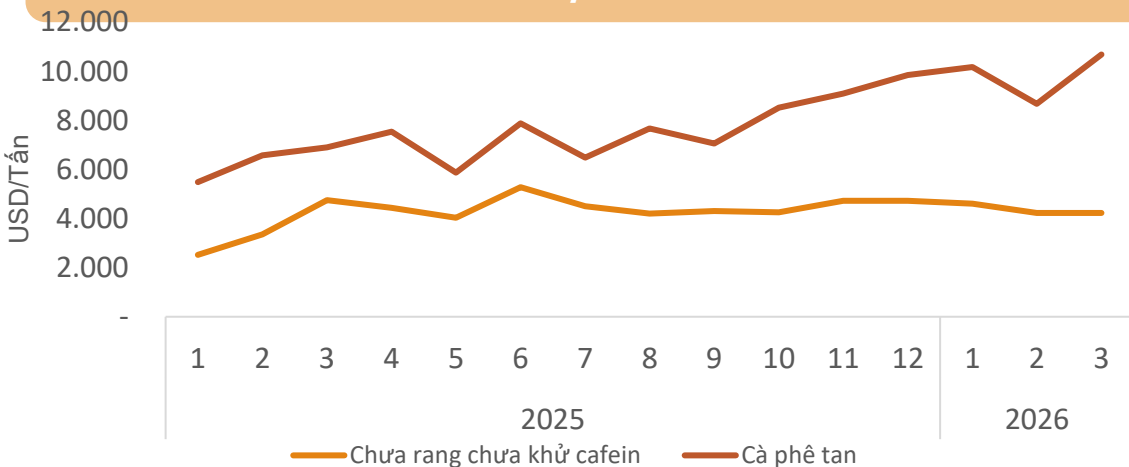


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **22,5** Triệu USD
 Tăng **214%** so với T2/2026
 Tăng **42,6%** so với T3/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **5,6** Triệu USD
 Tăng **31,3%** so với T2/2026
 Tăng **16,9%** so với T3/2025



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **1,1** Triệu USD
 Tăng **220%** so với T2/2026
 Tăng **32,1%** so với T3/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **10.681** USD/tấn, **tăng 23,1%** so với tháng trước, và **tăng 54,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

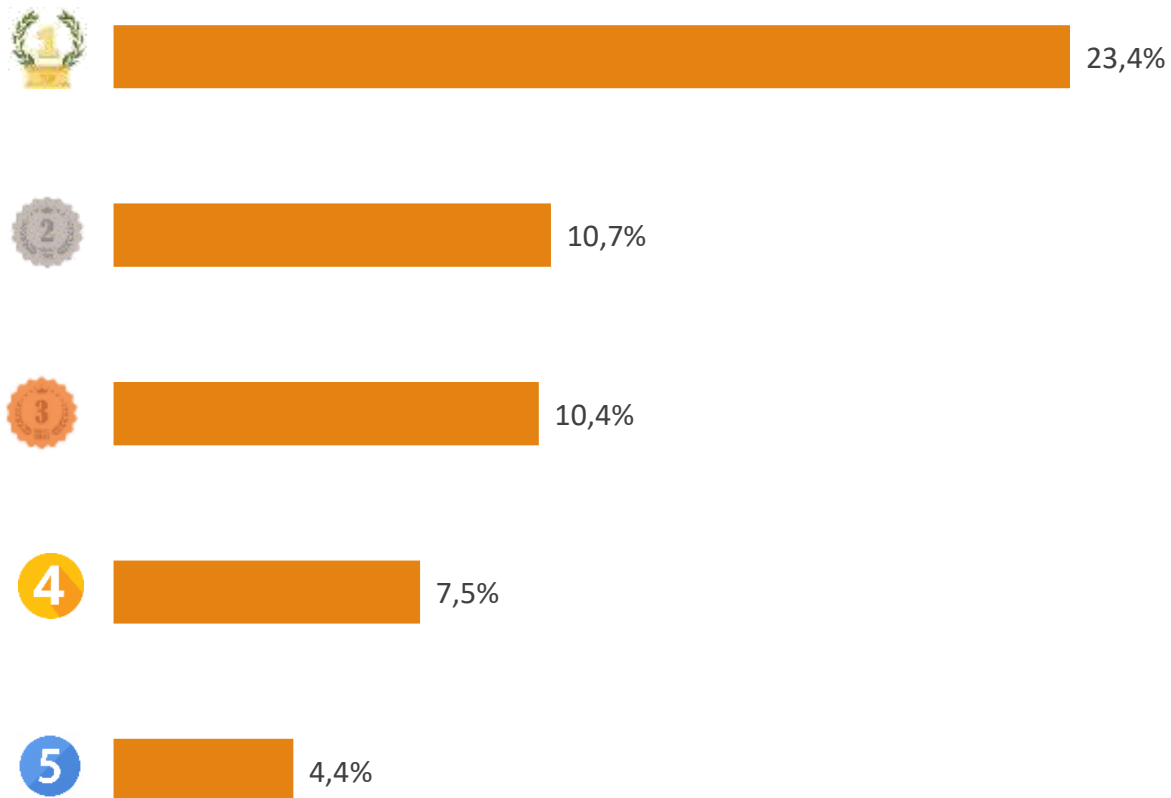
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2026 ở mức **4.221** USD/tấn, **giảm 0,1%** so với tháng trước; và **giảm 11,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

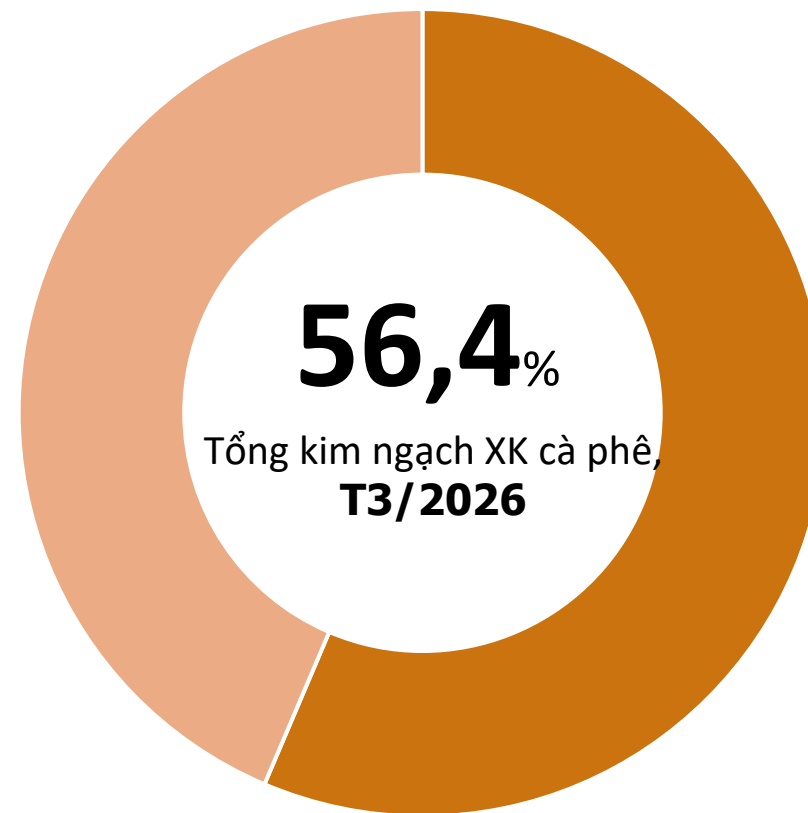


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2026





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRUNG QUỐC

Thị trường cà phê Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng nhưng cạnh tranh giá ngày càng gay gắt, buộc các chuỗi quốc tế như Starbucks và Peet's Coffee phải điều chỉnh chiến lược. Thay vì chỉ cạnh tranh bằng giá, các doanh nghiệp này đang mở rộng sang thành phố cấp thấp hơn, khu vực du lịch và thử nghiệm mô hình cửa hàng linh hoạt như xe đẩy cà phê để tăng độ phủ.

Starbucks hiện có khoảng 8.000 cửa hàng tại Trung Quốc và đặt mục tiêu mở rộng hiện diện từ 1.100 lên 1.500 quận trong ba năm. Tuy nhiên, áp lực từ các thương hiệu nội địa như Luckin Coffee, Cotti Coffee và các chương trình trợ giá của nền tảng giao đồ ăn đang kéo giảm mức chi tiêu bình quân, bào mòn biên lợi nhuận toàn ngành. Dù vậy, thị trường cà phê Trung Quốc vẫn hấp dẫn nhà đầu tư nhờ quy mô lớn và khả năng tạo dòng tiền ổn định.

Nguồn: cafef.vn





AGRE*i*NFOS

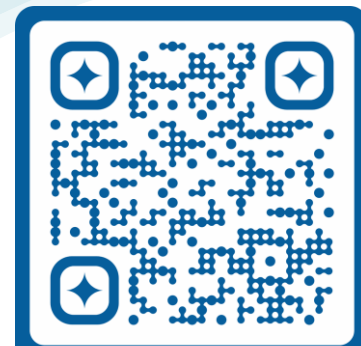
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, Hà Nội

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo